

KẾ HOẠCH CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2026 – 2027

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục hiện hành;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026–2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; văn bản này được Sở GDĐT Hà Nội xác định là một trong những căn cứ trực tiếp triển khai công tác chuyên môn năm học 2026–2027.

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn;

Căn cứ Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày

27 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026–2027;

Căn cứ Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026–2027; theo Hướng dẫn của Sở, các nhà trường không tổ chức lựa chọn lại SGK mà rà soát để điều chỉnh kế hoạch dạy học, bảo đảm yêu cầu cần đạt và tính liên tục trong học tập.

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội và các văn bản hướng dẫn triển khai; Hướng dẫn của Sở yêu cầu từng bước xây dựng môi trường, không gian và hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế.

Căn cứ Kế hoạch số 3545/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) của học sinh Hà Nội; nội dung EQ được lồng ghép trong môn học, sinh hoạt lớp, Hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đoàn – Đội và công tác tư vấn học đường, không tổ chức thành môn học riêng.

Căn cứ QĐ số 2623/QĐ- BGD&ĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm học 2026–2027 của Ngành giáo dục

Căn cứ KH số 409/KH UBND của UBND phường Hà Đông ngày 10/9/2026 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2026–2027;

Căn cứ điều kiện thực tế về đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; Trường THCS Văn Yên xây dựng Kế hoạch chuyên môn năm học 2026–2027 như sau:

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH

- Chuyển từ quản lý theo hồ sơ sang quản trị theo mục tiêu, tiến độ, dữ liệu và kết quả thực chất.

- Mỗi nhiệm vụ có một đầu mối chịu trách nhiệm; một sản phẩm/minh chứng cốt lõi; một mốc kiểm tra; một cơ chế phản hồi và điều chỉnh.
- Giữ ổn định những nền nếp chuyên môn hiệu quả; đổi mới có trọng tâm, không triển khai phong trào, không tăng tải chương trình.
- Ưu tiên chất lượng học sinh, đặc biệt nhóm học sinh chưa đạt yêu cầu, học sinh lớp 6 chuyển tiếp và học sinh lớp 9 chuẩn bị tuyển sinh vào lớp 10.
- AI, năng lực số, STEM, tiếng Anh, EQ, thể chất và nghệ thuật được triển khai theo hướng tích hợp, thiết thực, phù hợp điều kiện nhà trường; không biến thành các đầu việc độc lập gây quá tải
- Kiểm tra nội bộ theo hướng tư vấn – hỗ trợ – cải tiến; không sử dụng số lượng hồ sơ làm thước đo chất lượng chuyên môn.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Thuận lợi

Nhà trường nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Sở GDĐT Hà Nội, UBND phường Hà Đông, Phòng Văn hóa – Xã hội, sự phối hợp của các lực lượng giáo dục và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh trong triển khai nhiệm vụ năm học.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, trách nhiệm, có tinh thần phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau; nền nếp, kỷ cương chuyên môn được duy trì ổn định.

Công tác quản lý, điều hành từ Ban Giám hiệu đến tổ/nhóm chuyên môn từng bước được đổi mới theo hướng rõ trách nhiệm, tăng tính chủ động, ứng dụng công nghệ và quản lý dựa trên dữ liệu; phù hợp định hướng quản trị thống nhất, hạn chế hồ sơ trùng lặp, tăng hiệu quả phối hợp trong công tác chuyên môn. Hướng dẫn mới của Sở cũng nhấn mạnh yêu cầu thống nhất kế hoạch giáo dục, quy chế chuyên môn, hệ thống hồ sơ – dữ liệu và kiểm tra nội bộ trong toàn trường.

- Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018; nhiều giáo viên có kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn và khả năng hỗ trợ đồng nghiệp.
- Cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức Chương trình GDPT 2018; nhà trường có điều kiện tiếp tục khai thác hiệu quả phòng học bộ môn, thiết bị, học liệu và không gian giáo dục. Việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị được định hướng theo nguyên tắc có lịch sử dụng, đầu mối quản lý và bảo đảm hiệu quả, an toàn.

Nhà trường có nền tảng thuận lợi để triển khai các nhiệm vụ mới của năm học như phát triển năng lực số, ứng dụng AI, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh, giáo dục thể chất, nghệ thuật và giáo dục cảm xúc – xã hội (EQ).

Năm học 2025–2026, Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, tạo tiền đề thuận lợi để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ đổi mới trong năm học 2026–2027.

2. Khó khăn

Đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ về cơ cấu bộ môn, còn thiếu giáo viên GDCTD, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Tin học, KHTN (mạch Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, chất và biến đổi chất) giáo viên tiếng Anh và giáo viên làm công tác Đội. Nhà trường phải hợp đồng 28 giáo viên, đội ngũ này có sự biến động nên ảnh hưởng nhất định đến việc phân công chuyên môn, xếp thời khóa biểu và tính ổn định trong tổ chức dạy học.

Việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 ở một số môn học tích hợp như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Nội dung giáo dục của địa phương vẫn đặt ra yêu cầu cao trong phân công giáo viên, xây dựng kế hoạch dạy học, bố trí thời khóa biểu và phối hợp giữa giáo viên cùng tham gia giảng dạy.

Một số giáo viên mới chuyển về trường cần thêm thời gian để tiếp cận nền nếp, quy trình quản lý và yêu cầu chuyên môn của nhà trường; một số giáo viên có nhiều kinh nghiệm nhưng sức khỏe hạn chế, ảnh hưởng nhất định đến việc bố trí và thực hiện nhiệm vụ.

Năng lực tự học, tự bồi dưỡng, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của đội ngũ chưa thật đồng đều. Việc triển khai các yêu cầu mới về năng lực số, AI, học liệu số, STEM và khai thác dữ liệu phục vụ dạy học đòi hỏi giáo viên tiếp tục được bồi dưỡng và hỗ trợ thường xuyên.

Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu nhưng một số hạng mục, thiết bị đã xuống cấp, cần tiếp tục sửa chữa, bổ sung và khai thác hiệu quả hơn, nhất là thiết bị thực hành, phòng học bộ môn và hạ tầng phục vụ chuyển đổi số.

Chất lượng học sinh chưa đồng đều; một bộ phận học sinh chưa có ý thức tự học tốt, kiến thức nền còn hạn chế, cần được phát hiện và hỗ trợ sớm. Một số cha mẹ học sinh chưa phối hợp thường xuyên với nhà trường trong quản lý, giáo dục và hỗ trợ việc học của học sinh.

Năm học 2026–2027 triển khai đồng thời nhiều yêu cầu mới như tăng cường dạy học 2 buổi/ngày, năng lực số, ứng dụng AI, STEM, học bạ số, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh, giáo dục thể chất – nghệ thuật và EQ, trong khi đội ngũ và điều kiện thực hiện còn chưa đồng đều, tạo áp lực nhất định đối với công tác quản lý và tổ chức chuyên môn.

3. Tình hình nhà trường trong năm học 2026 - 2027

3.1. Cơ cấu đội ngũ

Diễn giải	Ban Giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên	Bảo vệ	Phục vụ	Tổng toàn trường	Ghi chú
Số lượng	3	114	8	3	3	131	
Trong đó							
Biên chế	3	86	5	0	0	94	
Hợp đồng	0	28	3	3	3	37	
Nữ	3	83	8	0	3	97	
Đảng viên	3	54	5	0	0	62	
Dân tộc thiểu số	0	1	0	0	0	1	
Nữ dân tộc thiểu số	0	1	0	0	0	1	
Độ tuổi TB	48,2	46,2	42,2	57,1	41,1	47,36	
Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ							
Trên Đại học	2	19	0	0	0	21	
Đại học	1	95	6	0	0	102	
Cao đẳng	0	0	1	2	0	3	
Trung cấp CN	0	0	1	1	3	5	

Nhà trường có 04 tổ, gồm:

Tổ Khoa học tự nhiên: 49 người, trong đó 41 biên chế, 08 GV hợp đồng.

Tổ Khoa học xã hội: 42 người, trong đó 31 biên chế, 11 GV hợp đồng.

Tổ Năng khiếu có 28 người trong đó biên chế 19, hợp đồng 9

Tổ Văn phòng: 12 người trong đó 6 nhân viên 3 phụ vụ và 3 bảo vệ

3.2. Chất lượng đội ngũ

100% cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn; có năng lực quản trị, tinh thần trách nhiệm, chủ động đổi mới và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường.

100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; đội ngũ cơ bản có chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững vàng, trách nhiệm với công việc. Nhiều giáo viên có năng lực chuyên môn tốt, kinh nghiệm giảng dạy, có khả năng làm giáo viên cốt cán, hỗ trợ đồng nghiệp và dẫn dắt hoạt động chuyên môn của tổ/nhóm.

Đội ngũ giáo viên từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; tích cực đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT; tiếp tục được bồi dưỡng về dạy học tích hợp, STEM, năng lực số và ứng dụng AI.

Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3.3. Nhu cầu đội ngũ

Cơ cấu giáo viên hiện còn thiếu 09 giáo viên so với nhu cầu thực hiện nhiệm vụ, tập trung ở các môn/lĩnh vực: GD&ĐT, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Tin học, KHTN (mạch Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi) và giáo viên làm công tác Đội.

Nhà trường tiếp tục rà soát vị trí việc làm, cơ cấu giáo viên theo môn học; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung đội ngũ, đồng thời phân công chuyên môn linh hoạt, đúng năng lực và chuyên môn đào tạo, bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018.

3.4. Tình hình cơ sở vật chất:

TT	Tên phòng	Đơn vị	Số lượng	Đạt chuẩn	Ghi chú
1.	Phòng học	Phòng	47	x	
2.	Phòng bộ môn KHTN1 (Sinh)	Phòng	1	x	
3.	Phòng bộ môn KHTN 2 (Hóa)	Phòng	1	x	
4.	Phòng bộ môn KHTN 3 (Lý)	Phòng	1	x	
5.	Phòng tin học	Phòng	2	x	
6.	Phòng học bộ môn ngoại ngữ	Phòng	1	x	
7.	Phòng Đa chức năng	Phòng	1	x	
8.	Phòng bộ môn Âm nhạc	Phòng	1	x	
9.	Phòng bộ môn Mỹ thuật	Phòng	1	x	
10.	Kho thiết bị dùng chung	Phòng	2	x	
11.	Phòng truyền thông	Phòng	1	x	
12.	Phòng Hội đồng	Phòng	1	x	
13.	Phòng Hội trường	Phòng	1	x	
14.	Phòng giáo viên	Phòng	2	x	
15.	Phòng Công đoàn	Phòng	1	x	
16.	Phòng Đội	Phòng	1	x	
17.	Phòng y tế	Phòng	1	x	
18.	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1	x	
19.	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	2	x	
20.	Phòng kế toán	Phòng	1	x	
21.	Phòng tiếp dân	Phòng	1	x	
22.	Thư viện	Phòng	1	x	
23.	Phòng đọc HS	Phòng	1	x	
24.	Phòng đọc giáo viên	Phòng	1	x	
25.	Kho đồ dùng thí nghiệm	Phòng	2	x	
26.	Nhà thể chất	Phòng	1	x	
27.	Sân tập TDTT	m ²	150		
28.	Tổng diện tích đất sử dụng	m ²	12.888	x	

* Đánh giá chung về tình hình CSVC:

Cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018; hệ thống phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ được khai thác phục vụ hoạt động chuyên môn.

Nhà trường tiếp tục tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả phòng học bộ môn, thiết bị và học liệu dùng chung; chú trọng các điều kiện phục vụ thực hành, thí nghiệm, giáo dục STEM, phát triển năng lực số, ứng dụng AI và tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Hướng dẫn mới của Sở yêu cầu việc sử dụng phòng học, thiết bị dùng chung phải có kế hoạch, lịch sử dụng và bảo đảm an toàn.

Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, hồ sơ điện tử, học bạ số và tổ chức các hoạt động dạy học có ứng dụng công nghệ; tiếp tục rà soát, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học.

Một số hạng mục tại khu nhà B và C đã cũ, có dấu hiệu xuống cấp, cần thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, tu bổ; ưu tiên các hạng mục ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn của học sinh, giáo viên và hoạt động dạy học.

Nhà trường tiếp tục rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng kế hoạch bảo trì, sửa chữa, bổ sung và sử dụng hiệu quả, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, tránh đầu tư hoặc mua sắm nhưng khai thác không hiệu quả.

3.5. Học sinh:

Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Toàn trường
Tổng số lớp	17	17	15	17	66
Tổng số học sinh	829	805	715	792	31421
Trong đó: Số HS lưu ban	0	0	0	0	0
Bình quân học sinh/lớp	48.94	48.25	47,41	47.84	47,88
Học sinh nữ	395	381	341	380	1497
Con liệt sỹ	0	0	0	0	0
Con thương bệnh binh	1	0	0	0	1
Số HS thuộc hộ nghèo	1	0	0	1	2
Dân tộc thiểu số	5	12	7	5	29
Nữ dân tộc thiểu số	3	6	2	3	14
Số HS khuyết tật	5	0	0	2	7
Số HS bỏ học (So với cuối năm học trước)	0	0	0	0	0

- Nhận xét chung tình hình học sinh:

Quy mô học sinh năm học 2026–2027 tăng so với năm học 2025–2026; số học sinh lớp 6 tuyển mới nhiều hơn với số học sinh lớp 9 ra trường. Toàn trường có 66 lớp với 3.141 học sinh.

Quy mô các khối có sự không có chênh lệch nhiều : khối 6 có 829 học sinh/17 lớp; khối 7 có 805 học sinh/17 lớp; khối 8 có 715 học sinh/15 lớp; khối 9 có 792 học sinh/17 lớp. Sĩ số bình quân toàn trường khoảng 48,6 học sinh/lớp;

một số lớp có sĩ số cao, đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý lớp học, tổ chức dạy học phân hóa và quan tâm đến từng đối tượng học sinh.

Nhìn chung, đa số học sinh có nền nếp, ý thức học tập và rèn luyện tốt, chấp hành nội quy trường, lớp; ngoan ngoãn, lễ phép, có ý thức giữ gìn tài sản chung, bảo vệ môi trường và tích cực tham gia các hoạt động giáo dục.

Chất lượng học sinh chưa đồng đều; một bộ phận học sinh kiến thức nền chưa vững, năng lực tự học còn hạn chế, cần được phát hiện sớm và có giải pháp hỗ trợ phù hợp trong quá trình dạy học.

Một số học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phức tạp hoặc chưa nhận được sự quan tâm, phối hợp thường xuyên của cha mẹ học sinh, dẫn đến ý thức học tập, rèn luyện và chấp hành nội quy còn hạn chế. Nhà trường cần tăng cường phối hợp giữa GVCN – giáo viên bộ môn – cha mẹ học sinh, kịp thời hỗ trợ, giáo dục và theo dõi sự tiến bộ của học sinh.

Đối với học sinh lớp 6, chú trọng hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp từ tiểu học lên THCS, giúp học sinh làm quen với môi trường, nền nếp và phương pháp tự học; theo dõi, hỗ trợ trong những tuần đầu, không tổ chức khảo sát gây áp lực hoặc tạo định kiến đối với học sinh theo định hướng của Sở GDĐT.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức thực hiện đầy đủ, linh hoạt và hiệu quả Chương trình GDPT 2018; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn; xây dựng môi trường dạy học an toàn, dân chủ, kỷ cương; phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ; đẩy mạnh quản trị dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số, năng lực số và AI; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày thiết thực; nâng cao chất lượng ôn thi tuyển sinh lớp 10; giảm học sinh chưa đạt yêu cầu và tạo cơ hội phát triển cho mọi học sinh.

2. Mục tiêu cụ thể theo 8 trụ cột

Trụ cột	Mục tiêu điều hành	Kết quả cần nhìn thấy
CTGDPT 2018	Đủ chương trình, đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp nguồn lực.	Không cắt xén; tiến độ được theo dõi; môn tích hợp phối hợp tốt.
Chất lượng	Dạy học phân hóa và hỗ trợ sớm.	Giảm HS chưa đạt; tăng tiến bộ theo nhóm đối tượng.
KTĐG	Đánh giá vì sự tiến bộ, dùng dữ liệu để điều chỉnh.	Đề kiểm tra bám yêu cầu cần đạt; có phân tích sau kiểm tra.
Đội ngũ	Bồi dưỡng theo nhu cầu, tăng chia sẻ nội bộ.	GV sử dụng hiệu quả phương pháp, học liệu số, AI.
NLS–AI–STEM	Triển khai thiết thực, an toàn, có sản phẩm học tập.	Mỗi tổ có hoạt động; học sinh biết kiểm chứng và sử dụng có trách nhiệm.
2 buổi/ngày	Buổi 2 giải quyết nhu cầu thực tế của từng nhóm HS.	Củng cố, hỗ trợ, bồi dưỡng, ôn 10, trải nghiệm; không quá tải.
Lớp 9–HSG	Nâng chất lượng nguồn và kết quả	Phân loại, ôn tập theo dữ liệu;

Trụ cột	Mục tiêu điều hành	Kết quả cần nhìn thấy
	đầu ra.	HSG có lộ trình.
Quản trị	Một nhiệm vụ – một đầu mối – một minh chứng.	Giám báo cáo trùng; quyết định dựa trên dữ liệu.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018

1.1. Nội dung

Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, hiệu quả Chương trình GDPT 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung; Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đặc điểm học sinh; bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng của Chương trình; không cắt xén, dồn ép hoặc thực hiện mang tính hình thức. Tăng quyền chủ động của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên trong xây dựng và thực hiện kế hoạch; Kế hoạch giáo dục do Hiệu trưởng phê duyệt và báo cáo UBND phường theo quy định.

Tổ chức đầy đủ, hiệu quả các môn học và hoạt động giáo dục; chú trọng những nội dung có tính đặc thù:

Môn Khoa học tự nhiên; Lịch sử và Địa lí; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: phân công giáo viên phù hợp chuyên môn, tổ chức dạy học bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không chia cắt cơ học nội dung môn học; tăng cường thực hành, trải nghiệm, khai thác tư liệu và gắn với thực tiễn. HĐTN-HN phải thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi, gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

Nội dung giáo dục của địa phương: thực hiện theo Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở GDĐT; phân công giáo viên phù hợp từng chủ đề, gắn với các môn học liên quan và thực tiễn địa phương; giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định.

Môn Ngữ văn: tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, hạn chế học thuộc, sao chép văn mẫu, tăng cường khả năng đọc hiểu, viết và vận dụng.

Ngoại ngữ: nâng cao chất lượng dạy học; từng bước mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong nhà trường; đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ, không gian tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế. Hướng dẫn của Sở yêu cầu từng bước thực hiện mục tiêu đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh lớp 6 chuyển tiếp từ tiểu học lên THCS; hướng dẫn phương pháp học tập, kỹ năng tự học, quản lý thời gian, thực hiện nề nếp học tập; rà soát, hỗ trợ kịp thời học sinh kiến thức nền chưa vững, học sinh chuyển trường, học sinh gặp khó khăn trong thích nghi hoặc có nguy cơ nghỉ học dài ngày.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025, phù hợp điều kiện thực tế; cụ thể hóa nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh và phân công giáo viên khoa học. Buổi học thứ hai ưu tiên củng cố kiến thức, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh có năng lực, ôn tập học sinh lớp 9 và tổ chức các hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực.

Tăng cường giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và đổi mới sáng tạo gắn với môn học, hoạt động giáo dục, HĐTN-HN và thực tiễn; phát triển tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn. Kết hợp STEM với phát triển năng lực số và AI; không chạy theo phong trào, sản phẩm trình diễn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

Triển khai Khung năng lực số cho học sinh và Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông. Tổ chức nội dung giáo dục AI cốt lõi 12 tiết/lớp/năm học, bố trí phù hợp trong Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày; đồng thời lồng ghép trong các môn học, hoạt động giáo dục, STEM/STEAM để củng cố và vận dụng kiến thức, kỹ năng AI.

Ở cấp THCS, giáo dục AI tập trung phát triển các thành phần năng lực: tư duy lấy con người làm trung tâm; đạo đức AI; các kỹ thuật và ứng dụng AI; thiết kế hệ thống AI; giúp học sinh biết kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền, nhận diện rủi ro và sử dụng AI an toàn, trung thực, có trách nhiệm.

Tổ chức các nội dung giáo dục bổ trợ theo hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội gồm giáo dục thể chất, nghệ thuật, giáo dục cảm xúc – xã hội (EQ) và sức khỏe tinh thần, xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai; lồng ghép phù hợp trong môn học, HĐTN-HN, sinh hoạt lớp, câu lạc bộ và hoạt động giáo dục; không hình thành môn học bắt buộc mới, không tăng tải chương trình.

Thực hiện tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống, quyền con người, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông, PCCC, an toàn số

và các nội dung giáo dục khác theo quy định; bảo đảm đúng mục tiêu môn học, không tích hợp gượng ép.

1.2. Chỉ tiêu cụ thể

100% tổ/nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục đúng yêu cầu cần đạt, thời lượng và tiến độ Chương trình GDPT 2018.

100% giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch bài dạy phù hợp kế hoạch của tổ/nhóm và nhà trường; thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xén, dồn ép.

100% tổ/nhóm chuyên môn định kỳ rà soát tiến độ, yêu cầu cần đạt và chất lượng thực hiện chương trình; kịp thời điều chỉnh khi có khó khăn hoặc yêu cầu chuyên môn phát sinh.

100% học sinh lớp 6 được hướng dẫn, hỗ trợ thích nghi với môi trường THCS; học sinh có khó khăn được phát hiện và hỗ trợ kịp thời.

100% học sinh chưa đạt yêu cầu được rà soát, theo dõi và có giải pháp hỗ trợ phù hợp; học sinh có năng lực, sở trường được tạo điều kiện bồi dưỡng, phát triển.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày khoa học, hiệu quả, phù hợp từng nhóm đối tượng; không gây quá tải và thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm.

100% lớp thực hiện nội dung giáo dục AI cốt lõi 12 tiết/lớp/năm học theo Khung của Bộ GDĐT; học sinh được hướng dẫn sử dụng AI an toàn, trung thực, có trách nhiệm.

100% tổ/nhóm chuyên môn có nội dung phát triển năng lực số, STEM và vận dụng AI phù hợp với đặc trưng môn học; không chạy theo số lượng sản phẩm.

Tạo cơ hội để học sinh tham gia các hoạt động thể chất, nghệ thuật, EQ, kỹ năng sống, trải nghiệm, hướng nghiệp và giao tiếp tiếng Anh phù hợp điều kiện nhà trường.

100% học sinh khuyết tật học hòa nhập và học sinh có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm, hỗ trợ phù hợp, bảo đảm quyền và cơ hội học tập.

1.3. Các biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Xây dựng và quản lý thực hiện Kế hoạch giáo dục

Ban Giám hiệu chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn căn cứ Chương trình GDPT 2018, yêu cầu cần đạt, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, đội ngũ, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh để xây dựng kế hoạch khoa học, khả thi, linh hoạt.

Tổ trưởng, nhóm trưởng chịu trách nhiệm rà soát tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời tham mưu điều chỉnh khi có tình huống phát sinh. Việc kiểm tra tập trung vào chất lượng và hiệu quả thực hiện, hạn chế yêu cầu hồ sơ, minh chứng trùng lặp.

b) Tổ chức các môn học, hoạt động giáo dục đặc thù

Đối với KHTN, phân công giáo viên các mạch Năng lượng và sự biến đổi, Chất và sự biến đổi chất, Vật sống phù hợp chuyên môn; tăng cường phối hợp, thực hành, thí nghiệm, phòng học bộ môn, STEM và mô phỏng số.

Đối với Lịch sử và Địa lí, bảo đảm sự liên kết giữa các nội dung, tăng cường sử liệu, bản đồ, dữ liệu số, di sản, thực hành và trải nghiệm.

Đối với HĐTN-HN, xác định rõ nội dung, thời lượng, người thực hiện; tổ chức hoạt động thiết thực, an toàn, gắn với kỹ năng sống, khám phá bản thân và hướng nghiệp.

Đối với Nội dung GDĐP, phân công giáo viên phù hợp từng chủ đề; tăng cường liên hệ thực tiễn Hà Nội, khai thác lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

c) Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Xây dựng thời khóa biểu cân đối giữa học tập, nghỉ ngơi và hoạt động giáo dục; cụ thể hóa nội dung của buổi học thứ hai.

Ưu tiên hỗ trợ học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi lớp 10, giáo dục AI, STEM, ngoại ngữ, năng lực số, văn hóa đọc, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống và hướng nghiệp.

d) Triển khai giáo dục AI, năng lực số và STEM

Xây dựng kế hoạch thực hiện 12 tiết AI/lớp/năm học theo Khung nội dung giáo dục AI; phân bổ phù hợp từng khối lớp và kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.

Tổ chức giáo dục AI theo hướng học sinh tìm hiểu – giải thích – kiểm chứng – vận dụng – thiết kế giải pháp đơn giản; hướng dẫn học sinh ghi nhận nguồn dữ liệu, yêu cầu đã cung cấp cho AI và kiểm chứng kết quả.

Tích hợp năng lực số, AI với STEM, dự án, nghiên cứu khoa học và các môn học khi phù hợp; bảo đảm an toàn, đạo đức, bản quyền, dữ liệu cá nhân và trung thực học thuật.

đ) Hỗ trợ học sinh và tổ chức dạy học phân hóa

Rà soát chất lượng học sinh đầu năm và trong quá trình học bằng các hình thức phù hợp; xác định học sinh chưa đạt, học sinh có năng lực, học sinh gặp khó khăn để xây dựng giải pháp hỗ trợ hoặc bồi dưỡng.

Đặc biệt theo dõi học sinh lớp 6 trong những tuần đầu; tăng cường phối hợp GVCN – GVBM – CMHS để hỗ trợ phương pháp học tập và thích nghi.

e) Tăng cường giáo dục toàn diện

Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, EQ, sức khỏe tinh thần, kỹ năng sống và môi trường sử dụng tiếng Anh theo kế hoạch giáo dục; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, sân bãi, phòng học, thiết bị và các nguồn lực tại địa phương.

Tạo điều kiện để học sinh tham gia theo sở thích, năng lực; không chạy theo thành tích, biểu diễn hình thức, không gây áp lực hoặc phát sinh chi phí không cần thiết.

g) Tăng cường sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026; tập trung tháo gỡ các vấn đề trong thực hiện Chương trình, môn học tích hợp, kiểm tra đánh giá, AI, STEM, năng lực số và dạy học 2 buổi/ngày.

Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, phân tích hoạt động học và dữ liệu kết quả của học sinh; thống nhất giải pháp và theo dõi hiệu quả sau triển khai; giảm nội dung hành chính, ghi chép và minh chứng hình thức.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn

2.1. Nội dung

Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện đúng Chương trình GDPT 2018, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026, Hướng dẫn số .../SGDDT-... của Sở GDĐT Hà Nội và các văn bản hướng dẫn chuyên môn hiện hành.

Tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, hợp tác, sáng tạo của học sinh; tăng cường giao nhiệm vụ học tập, thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng dạy học phân hóa, thiết kế nhiệm vụ phù hợp với năng lực và nhu cầu của từng nhóm học sinh; quan tâm cả học sinh chưa đạt yêu cầu và học sinh có năng lực, sở trường.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học trong và ngoài lớp học; khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu và môi trường giáo dục. Khuyến khích giáo viên lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với đặc trưng môn học, nội dung bài học và đối tượng học sinh; không áp đặt một phương pháp hoặc hình thức tổ chức dạy học.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, bảo đảm chính xác, công bằng, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh. Kết hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; đa dạng hóa phương pháp, công cụ đánh giá thông qua hỏi – đáp, viết, thực hành, sản phẩm học tập, dự án và các hình thức phù hợp.

Nâng cao chất lượng xây dựng ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm; bảo đảm nội dung đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018, phù hợp thời lượng và đối tượng học sinh. Tăng cường các câu hỏi, nhiệm vụ yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề; không kiểm tra những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình.

Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022; khuyến khích sử dụng ngữ liệu mới, phù hợp để đánh giá năng lực đọc hiểu, viết và vận dụng của học sinh; hạn chế tình trạng học thuộc, sao chép văn mẫu.

Đối với các môn học, hoạt động giáo dục có đặc thù riêng, tổ/nhóm chuyên môn căn cứ chương trình, yêu cầu cần đạt và hướng dẫn chuyên môn để thống nhất hình thức, nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp; chú trọng đánh giá quá trình, sản phẩm, thực hành và khả năng vận dụng của học sinh.

Tăng cường phân tích kết quả kiểm tra, khảo sát và sản phẩm học tập của học sinh theo lớp, nhóm đối tượng, nội dung kiến thức, kỹ năng; xác định những yêu cầu cần đạt học sinh còn hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh phương pháp dạy học, hỗ trợ học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục, không chỉ phục vụ việc cho điểm.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 và hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội; chuyển trọng tâm từ triển khai công việc hành chính sang nghiên cứu, trao đổi và giải quyết những vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế.

Nội dung sinh hoạt tập trung vào việc thực hiện chương trình; những nội dung mới, khó; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; kiểm tra, đánh giá; phân tích kết quả học tập; dạy học phân hóa; hỗ trợ học sinh và chia sẻ kinh nghiệm, học liệu. Hạn chế sinh hoạt nặng về báo cáo, ghi chép hoặc hồ sơ hình thức.

Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học: lựa chọn vấn đề – cùng xây dựng bài học – tổ chức dạy minh họa – quan sát hoạt động học của học sinh – phân tích – điều chỉnh và vận dụng. Việc dự giờ, phân tích

bài học tập trung vào hoạt động học và sự tiến bộ của học sinh, không sử dụng tiết dạy minh họa trong nghiên cứu bài học để xếp loại giáo viên.

2.2. Chỉ tiêu

100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng dạy học phân hóa và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

100% giáo viên thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT và các hướng dẫn chuyên môn.

100% bài kiểm tra định kỳ được xây dựng trên cơ sở ma trận, bản đặc tả và yêu cầu cần đạt; đề kiểm tra, hướng dẫn chấm được tổ/nhóm chuyên môn thống nhất theo quy định.

100% tổ/nhóm chuyên môn thực hiện phân tích kết quả các đợt kiểm tra, khảo sát quan trọng để xác định hạn chế và thống nhất giải pháp nâng cao chất lượng.

100% tổ/nhóm chuyên môn duy trì sinh hoạt đúng quy định, bảo đảm thiết thực, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn thực tế.

Mỗi môn học thực hiện ít nhất 02 bài học nghiên cứu trong năm học; khuyến khích lựa chọn những nội dung mới, khó hoặc nội dung học sinh còn hạn chế.

100% giáo viên tham gia nghiên cứu bài học của nhóm chuyên môn theo phân công; kết quả nghiên cứu được chia sẻ và vận dụng phù hợp vào thực tế giảng dạy.

Không sử dụng tiết dạy minh họa trong nghiên cứu bài học để đánh giá, xếp loại giáo viên; hạn chế phát sinh hồ sơ, minh chứng không cần thiết.

2.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ yêu cầu cần đạt và đặc trưng môn học để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường hoạt động của học sinh, thực hành, trải nghiệm, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức.

Giáo viên chủ động phân hóa nhiệm vụ học tập theo đối tượng; chú trọng hướng dẫn phương pháp tự học, tự đánh giá và khả năng hợp tác của học sinh. Không chạy theo hình thức hoặc lạm dụng các kỹ thuật dạy học khi không phù hợp với mục tiêu bài học.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Tổ/nhóm chuyên môn thống nhất yêu cầu, nội dung và hình thức kiểm tra, đánh giá; xây dựng ma trận, bản đặc tả, đề và hướng dẫn chấm bảo đảm bám sát yêu cầu cần đạt.

Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học; sử dụng linh hoạt câu hỏi, bài tập, sản phẩm, thực hành và nhiệm vụ vận dụng. Thực hiện nhận xét, phản hồi kịp thời để học sinh biết điểm mạnh, hạn chế và cách cải thiện.

Sau các đợt kiểm tra, khảo sát, tổ/nhóm chuyên môn phân tích kết quả, xác định những nội dung học sinh còn yếu và nguyên nhân; thống nhất giải pháp điều chỉnh dạy học, củng cố và hỗ trợ phù hợp.

c) Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn

Tổ trưởng, nhóm trưởng xây dựng nội dung sinh hoạt xuất phát từ những vấn đề thực tế của môn học, giáo viên và học sinh. Mỗi buổi sinh hoạt ưu tiên giải quyết một hoặc một số vấn đề chuyên môn cụ thể; các nội dung hành chính đơn thuần được triển khai bằng hình thức phù hợp để dành thời gian cho chuyên môn.

Tăng cường trao đổi bài học khó, phân tích bài làm và sản phẩm của học sinh, chia sẻ phương pháp, học liệu và kinh nghiệm xử lý các tình huống dạy học; phát huy vai trò của giáo viên có kinh nghiệm trong hỗ trợ đồng nghiệp.

Ban Giám hiệu định kỳ tham gia sinh hoạt tổ/nhóm để nắm bắt khó khăn, định hướng và hỗ trợ; đánh giá chất lượng sinh hoạt thông qua vấn đề chuyên môn được giải quyết và hiệu quả vận dụng vào dạy học, không chủ yếu dựa vào số lượng biên bản, hồ sơ.

d) Thực hiện nghiên cứu bài học

Các nhóm chuyên môn lựa chọn bài học hoặc vấn đề cần nghiên cứu trên cơ sở thực tế học tập của học sinh; cùng xây dựng kế hoạch bài dạy và dự kiến các tình huống học tập.

Khi dạy minh họa, giáo viên dự giờ tập trung quan sát học sinh học như thế nào, gặp khó khăn ở đâu, mức độ tham gia và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thay vì tập trung nhận xét, xếp loại giáo viên dạy.

Sau bài dạy, nhóm chuyên môn cùng phân tích, điều chỉnh và hoàn thiện phương án; kết quả nghiên cứu được vận dụng vào các lớp phù hợp và chia sẻ trong tổ chuyên môn.

đ) Kiểm tra, hỗ trợ và cải tiến

Ban Giám hiệu, tổ trưởng và nhóm trưởng theo dõi việc đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá và sinh hoạt chuyên môn; kịp thời tư vấn, hỗ trợ giáo viên gặp khó khăn.

Kết quả thực hiện được rà soát theo từng học kỳ; lựa chọn những giải pháp hiệu quả để chia sẻ, nhân rộng, đồng thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp nhằm nâng cao thực chất chất lượng dạy học và sinh hoạt chuyên môn.

Việc kiểm tra thực hiện theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và yêu cầu quản lý thực tế; không nhất thiết kiểm tra đồng loạt tất cả hồ sơ hằng tháng. Tập trung vào các nội dung có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học như tiến độ chương trình, kế hoạch bài dạy, kết quả đánh giá học sinh, sinh hoạt tổ/nhóm và việc sử dụng thiết bị

STT	Tên hồ sơ	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
1	Sổ ghi đầu bài	Thứ 3 hàng tuần	
2	Sổ sinh hoạt tổ/ nhóm CM	Tuần 4 hàng tuần	
3	Sổ sử dụng thiết bị ĐDDH	Tuần 3 hàng tháng	
4	Sổ chủ nhiệm	Tuần 4 hàng tháng	
5	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Ngày 30 hàng tháng	
6	Kế hoạch bài dạy	Một lần/ 1 HK hoặc kiểm tra đột xuất.	

3. Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

3.1. Nội dung

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với thực hiện Chương trình GDPT 2018, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026, Tổ chức giáo dục STEM theo hướng thiết thực, phù hợp với đặc trưng môn học và điều kiện thực tế của nhà trường; tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, thiết kế kỹ thuật, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khuyến khích triển khai STEM trong các môn Toán, KHTN, Công nghệ, Tin học và mở rộng phù hợp sang các môn học, hoạt động giáo dục khác; không chạy theo số lượng chủ đề hoặc sản phẩm.

Khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và đổi mới sáng tạo; phát hiện các ý tưởng từ thực tiễn học tập, đời sống, môi trường và cộng đồng; hướng dẫn học sinh hình thành câu hỏi nghiên cứu, đề xuất giải pháp, thực hành, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm. Lựa chọn các dự án có chất lượng tham gia các cuộc thi, sân chơi khoa học, kỹ thuật, STEM và đổi mới sáng tạo theo kế hoạch của các cấp.

Triển khai phát triển năng lực số cho học sinh theo Khung năng lực số và Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT; đưa các yêu

cầu phát triển năng lực số vào kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với từng khối lớp, nội dung và yêu cầu cần đạt.

Chú trọng hình thành cho học sinh khả năng khai thác thông tin và dữ liệu; giao tiếp, hợp tác trong môi trường số; sáng tạo nội dung số; bảo đảm an toàn số; giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số. Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền, nhận diện thông tin sai lệch và ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số.

Từng bước triển khai giáo dục và ứng dụng AI trong dạy học và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT Hà Nội. Hướng dẫn học sinh hiểu những kiến thức, nguyên tắc cơ bản về AI phù hợp lứa tuổi; biết sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ học tập, tìm kiếm ý tưởng, xử lý thông tin, sáng tạo sản phẩm và giải quyết vấn đề nhưng không phụ thuộc, không sao chép sản phẩm do AI tạo ra.

Tăng cường giáo dục đạo đức và trách nhiệm khi sử dụng AI; hướng dẫn học sinh kiểm chứng nội dung do AI cung cấp, trích dẫn và công khai việc sử dụng AI khi cần thiết; bảo vệ thông tin cá nhân, dữ liệu và bản quyền; nhận thức được những rủi ro, giới hạn và tác động của AI.

Đối với giáo viên, tăng cường khai thác công nghệ số và AI để hỗ trợ thiết kế hoạt động học, xây dựng học liệu, cá nhân hóa nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá và phân tích kết quả học tập. Việc sử dụng AI phải có sự kiểm soát chuyên môn của giáo viên; giáo viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp của nội dung sử dụng trong dạy học.

Xây dựng và từng bước phát triển kho học liệu số, sản phẩm STEM, sản phẩm nghiên cứu khoa học và tài nguyên dùng chung trong các tổ/nhóm chuyên môn; tăng cường chia sẻ những sản phẩm có chất lượng để sử dụng hiệu quả trong nhà trường.

3.2. Chỉ tiêu

100% tổ/nhóm chuyên môn rà soát và xác định các nội dung có thể triển khai STEM, phát triển năng lực số và ứng dụng AI phù hợp với đặc trưng môn học.

100% giáo viên thực hiện tích hợp, phát triển năng lực số cho học sinh phù hợp với yêu cầu cần đạt và kế hoạch giáo dục của môn học.

100% học sinh được tham gia các hoạt động phù hợp nhằm hình thành, phát triển năng lực số; được giáo dục về an toàn, trách nhiệm, đạo đức và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

Mỗi tổ chuyên môn xây dựng, triển khai ít nhất 01 chủ đề/hoạt động STEM hoặc đổi mới sáng tạo phù hợp trong năm học; chú trọng chất lượng và khả năng vận dụng, không chạy theo số lượng.

Khuyến khích mỗi môn học lựa chọn những bài học phù hợp để tổ chức nhiệm vụ học tập có sử dụng công nghệ số, AI nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.

Phát hiện, hướng dẫn học sinh có năng lực, hứng thú tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, STEM và đổi mới sáng tạo; lựa chọn sản phẩm có chất lượng tham gia các cuộc thi theo kế hoạch của cấp trên.

100% giáo viên được tuyên truyền, hướng dẫn về sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm; từng bước biết khai thác AI phục vụ hoạt động chuyên môn.

Các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng, bổ sung và chia sẻ học liệu số, sản phẩm STEM, tài nguyên giáo dục có chất lượng trong kho học liệu dùng chung của nhà trường.

3.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Tổ chức giáo dục STEM

Các tổ/nhóm chuyên môn rà soát chương trình, lựa chọn những nội dung phù hợp để xây dựng chủ đề, bài học hoặc hoạt động STEM; ưu tiên các vấn đề gần gũi với thực tiễn, có khả năng vận dụng kiến thức liên môn và tạo cơ hội cho học sinh thực hành, thiết kế, thử nghiệm.

Tổ chức STEM linh hoạt trong môn học, hoạt động giáo dục, buổi học thứ hai hoặc các hoạt động phù hợp; tận dụng thiết bị, vật liệu sẵn có, phòng học bộ môn và nguồn lực của nhà trường. Không yêu cầu mọi bài học phải tổ chức STEM và không lấy số lượng sản phẩm làm tiêu chí đánh giá.

b) Nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của học sinh

Giáo viên phát hiện học sinh có ý tưởng, năng lực và hứng thú nghiên cứu; hướng dẫn học sinh lựa chọn vấn đề phù hợp, xây dựng kế hoạch, thu thập và xử lý thông tin, thử nghiệm, đánh giá và hoàn thiện sản phẩm.

Khuyến khích các đề tài xuất phát từ những vấn đề thực tế của nhà trường, gia đình, địa phương, môi trường và đời sống; bảo đảm tính trung thực trong nghiên cứu. Việc sử dụng AI trong nghiên cứu phải được hướng dẫn, kiểm soát và thể hiện rõ vai trò thực sự của học sinh.

Nhà trường lựa chọn các dự án có chất lượng để tiếp tục hướng dẫn, hoàn thiện và tham gia các cuộc thi theo quy định.

c) Phát triển năng lực số cho học sinh

Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ Khung năng lực số và đặc trưng môn học để xác định yêu cầu, biểu hiện năng lực số phù hợp từng bài/chủ đề, đưa vào kế hoạch dạy học khi thực sự có điều kiện phát triển năng lực cho học sinh; không liệt kê mã năng lực số mang tính hình thức.

Tăng cường các nhiệm vụ yêu cầu học sinh tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá thông tin; xử lý dữ liệu; giao tiếp, hợp tác; sáng tạo sản phẩm và giải quyết vấn đề bằng công nghệ số.

Chú trọng an toàn số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bản quyền, văn hóa ứng xử và khả năng nhận diện thông tin sai lệch.

d) Tổ chức giáo dục và ứng dụng AI

Tổ chức hướng dẫn giáo viên, học sinh về nguyên tắc sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm và có đạo đức. Lựa chọn công cụ AI phù hợp với mục đích giáo dục, độ tuổi học sinh và điều kiện nhà trường.

Khuyến khích giáo viên sử dụng AI hỗ trợ thiết kế học liệu, xây dựng nhiệm vụ học tập, phân hóa đối tượng và phân tích kết quả; mọi nội dung do AI hỗ trợ phải được giáo viên kiểm tra, thẩm định trước khi sử dụng.

Hướng dẫn học sinh sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tư duy và học tập, không thay thế quá trình suy nghĩ, thực hành và sáng tạo của học sinh; biết kiểm chứng thông tin và chịu trách nhiệm về sản phẩm học tập của mình.

đ) Xây dựng và chia sẻ học liệu

Các tổ/nhóm chuyên môn lựa chọn, xây dựng và chia sẻ học liệu số, bài học STEM, sản phẩm nghiên cứu, tài nguyên và kinh nghiệm ứng dụng AI có chất lượng; từng bước hình thành kho học liệu dùng chung của nhà trường.

Ưu tiên học liệu có khả năng sử dụng thực tế, dễ cập nhật và chia sẻ; thực hiện đúng quy định về bản quyền, nguồn tài liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

e) Theo dõi, đánh giá và điều chỉnh

Ban Giám hiệu, tổ trưởng và nhóm trưởng theo dõi việc triển khai STEM, năng lực số và AI thông qua hiệu quả hoạt động học tập, năng lực và sản phẩm của học sinh, không yêu cầu giáo viên tạo thêm hồ sơ minh chứng hình thức.

Định kỳ tổ chức trao đổi, chia sẻ các mô hình, sản phẩm và giải pháp có hiệu quả; kịp thời điều chỉnh những hoạt động chưa phù hợp, bảo đảm việc triển khai thực chất, an toàn và hỗ trợ trực tiếp cho nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc – xã hội, sức khỏe tinh thần và kỹ năng sống

4.1. Nội dung

Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, giáo dục cảm xúc – xã hội (EQ), chăm sóc sức khỏe tinh thần và giáo dục kỹ năng sống theo Chương trình GDPT 2018, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Về giáo dục thể chất: Tổ chức dạy học môn Giáo dục thể chất đúng chương trình; tăng cường vận động, thể dục giữa giờ, câu lạc bộ, hoạt động và phong trào thể thao phù hợp. Tạo cơ hội để học sinh lựa chọn và duy trì ít nhất một hình thức vận động phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe, sở thích và điều kiện thực tế. Bảo đảm an toàn sân bãi, dụng cụ, người hướng dẫn và phương án xử lý tình huống trong các hoạt động thể thao.

Về giáo dục nghệ thuật: Nâng cao chất lượng dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật; đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, trưng bày, biểu diễn và câu lạc bộ

nghệ thuật. Khuyến khích khai thác di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống và không gian sáng tạo của Thủ đô; tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia theo sở thích, năng lực, không chạy theo thành tích hoặc biểu diễn hình thức.

Về giáo dục cảm xúc – xã hội (EQ) và sức khỏe tinh thần: Lồng ghép phù hợp trong môn học, HĐTN-HN, sinh hoạt lớp, hoạt động Đoàn – Đội và công tác tư vấn học đường; tập trung phát triển các năng lực tự nhận thức; tự quản lý; nhận thức xã hội và thấu cảm; quan hệ và hợp tác; ra quyết định có trách nhiệm.

Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống thuốc lá điện tử, ma túy, các hành vi nguy cơ và an toàn trên không gian mạng. Kịp thời phát hiện học sinh gặp khó khăn về tâm lý, cảm xúc để phối hợp hỗ trợ; bảo đảm nguyên tắc tôn trọng, bảo mật, không gán nhãn học sinh và chuyển tuyến khi vượt quá khả năng hỗ trợ của nhà trường.

Việc theo dõi EQ, sức khỏe tinh thần nhằm nhận diện nhu cầu hỗ trợ và sự tiến bộ của học sinh; không sử dụng để kiểm tra, cho điểm, xếp loại hoặc so sánh học sinh.

4.2. Chỉ tiêu

100% học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật phù hợp; tăng cường vận động thường xuyên và phát triển năng lực thẩm mỹ.

100% lớp thực hiện lồng ghép giáo dục EQ, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, phòng chống bạo lực học đường và an toàn trên môi trường số.

Trong tuần học đầu, 100% lớp tổ chức hoạt động kết nối, thích ứng, xây dựng văn hóa lớp học và phổ biến các nội dung bảo đảm an toàn cho học sinh.

Học sinh có biểu hiện khó khăn về tâm lý, cảm xúc hoặc nguy cơ mất an toàn được phát hiện, tiếp nhận và hỗ trợ kịp thời theo quy trình.

Duy trì các hoạt động, câu lạc bộ thể thao, văn hóa, nghệ thuật phù hợp với điều kiện của nhà trường.

4.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

Xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, nghệ thuật và các hoạt động phát triển toàn diện phù hợp với điều kiện sân bãi, phòng học, thiết bị và đội ngũ; bố trí lịch sử dụng cơ sở vật chất khoa học, bảo đảm an toàn.

GVCN phối hợp GVBM, Tổng phụ trách Đội, cha mẹ học sinh và bộ phận tư vấn học đường để quan sát, phát hiện sớm và hỗ trợ học sinh; công khai đầu mối tiếp nhận thông tin, thực hiện quy trình hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan liên quan khi cần thiết.

Tổ chức các hoạt động thể thao, nghệ thuật, EQ và kỹ năng sống theo hướng học sinh được tham gia, trải nghiệm và tiến bộ, không tạo thêm áp lực về thành tích, kiểm tra, hồ sơ hoặc minh chứng.

5. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và xây dựng môi trường đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học

5.1. Nội dung

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026, chú trọng phát triển đồng bộ các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, trong đó tăng cường năng lực giao tiếp và khả năng sử dụng tiếng Anh trong thực tiễn.

Từng bước xây dựng môi trường đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội.

Rà soát điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu và năng lực học sinh để lựa chọn hình thức triển khai phù hợp; xây dựng không gian/góc tiếng Anh (English Zone), câu lạc bộ, hoạt động giao tiếp, giao lưu, trải nghiệm bằng tiếng Anh; tăng cơ hội để học sinh sử dụng tiếng Anh trong và ngoài giờ học.

Tăng cường khai thác học liệu số, công nghệ và AI hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ; khuyến khích học sinh tự học, luyện nghe, nói và giao tiếp bằng tiếng Anh. Việc ứng dụng công nghệ, AI thực hiện theo các nguyên tắc về an toàn, trách nhiệm đã xác định tại Mục 3.

Từng bước khuyến khích giáo viên các môn học, hoạt động giáo dục phối hợp tổ chức một số nội dung, hoạt động đơn giản bằng tiếng Anh phù hợp với năng lực giáo viên, học sinh và điều kiện thực tế; không tạo thêm môn học bắt buộc, không gây áp lực và không chạy theo hình thức.

5.2. Chỉ tiêu

100% giáo viên Tiếng Anh thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực giao tiếp; tăng thời lượng thực hành và sử dụng tiếng Anh của học sinh trong giờ học.

100% học sinh được tạo cơ hội nghe, nói, giao tiếp và trải nghiệm bằng tiếng Anh phù hợp với trình độ.

Duy trì Câu lạc bộ Tiếng Anh, xây dựng và khai thác hiệu quả không gian/góc tiếng Anh trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động giao lưu, trải nghiệm, sân chơi tiếng Anh phù hợp trong năm học; khuyến khích học sinh tham gia trên tinh thần tự nguyện, hứng thú.

Tăng cường sử dụng học liệu số, công nghệ và các công cụ hỗ trợ phù hợp trong dạy, học Tiếng Anh.

Phấn đấu nâng cao chất lượng môn Tiếng Anh ở các khối lớp, đặc biệt chất lượng học sinh lớp 9 và kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

5.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh

Tổ/nhóm Tiếng Anh rà soát chất lượng học sinh, thống nhất phương pháp dạy học theo từng khối lớp; tăng cường hoạt động giao tiếp, làm việc cặp/nhóm, thực hành nghe – nói và vận dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế.

Quan tâm dạy học phân hóa; hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và tạo điều kiện phát triển học sinh có năng lực, sở trường về ngoại ngữ.

b) Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Tổ chức các hình thức phù hợp như English Zone, Câu lạc bộ Tiếng Anh, giao lưu, trò chơi, thuyết trình, hoạt động trải nghiệm, ngày hội hoặc sân chơi tiếng Anh; ưu tiên các hoạt động có thể duy trì thường xuyên thay vì tổ chức mang tính phong trào.

Khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong một số hoạt động, sản phẩm truyền thông và không gian giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Phát huy công nghệ và phối hợp các lực lượng

Khai thác học liệu số, thiết bị và công nghệ hỗ trợ học sinh tăng cơ hội luyện tập, tự học ngoại ngữ. Phát huy vai trò của giáo viên Tiếng Anh; khuyến khích sự phối hợp của GVCN, giáo viên các môn và cha mẹ học sinh trong tạo môi trường sử dụng tiếng Anh.

Định kỳ đánh giá hiệu quả thông qua mức độ tham gia, khả năng sử dụng tiếng Anh và sự tiến bộ của học sinh; không tổ chức thêm các bài kiểm tra riêng chỉ để đánh giá việc xây dựng môi trường tiếng Anh.

6. Tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và công tác tư vấn, phân luồng học sinh

6.1. Nội dung

Tổ chức thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN-HN) theo Chương trình GDPT 2018, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Xây dựng kế hoạch HĐTN-HN phù hợp với từng khối lớp và điều kiện thực tế của nhà trường; xác định rõ nội dung, hình thức, thời lượng, địa điểm và người thực hiện. Phân công giáo viên phù hợp với năng lực, sở trường; tăng cường phối hợp giữa GVCN, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội và các lực lượng giáo dục.

Tổ chức đa dạng các loại hình hoạt động theo chương trình, gắn với khám phá và rèn luyện bản thân, xây dựng quan hệ với gia đình và xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Chú trọng hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế, hoạt động vì cộng đồng; phát huy tính chủ động, tự quản và khả năng vận dụng của học sinh.

Thực hiện giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS phù hợp từng khối lớp, trong đó tập trung đối với học sinh lớp 9. Tăng cường giúp học sinh nhận biết năng lực, sở thích, điều kiện bản thân; tìm hiểu nghề nghiệp, thị trường lao động và các hướng học tập sau THCS để có lựa chọn phù hợp.

Phối hợp với cha mẹ học sinh, các trường THPT, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị liên quan tổ chức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, trải nghiệm nghề nghiệp; cung cấp thông tin đầy đủ, khách quan về các lựa chọn sau THCS.

Việc tổ chức hoạt động ngoài nhà trường phải xác định rõ mục tiêu giáo dục, nội dung, trách nhiệm quản lý và phương án bảo đảm an toàn cho học sinh; không tổ chức hoạt động hình thức, gây quá tải hoặc tạo áp lực về kinh phí.

6.2. Chỉ tiêu

100% khối lớp xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch HĐTN-HN theo Chương trình GDPT 2018.

100% học sinh được tham gia các nội dung HĐTN-HN phù hợp với lứa tuổi; phát huy vai trò chủ thể của học sinh trong các hoạt động.

100% học sinh lớp 9 được tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh và phân luồng sau THCS.

100% cha mẹ học sinh lớp 9 được cung cấp thông tin cần thiết về tuyển sinh lớp 10 và các hướng học tập sau THCS.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn, thiết thực và hiệu quả.

6.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Tổ chức thực hiện HĐTN-HN

Xây dựng kế hoạch theo từng khối lớp; thống nhất nội dung, tiến độ và hình thức tổ chức. Phân công giáo viên phụ trách phù hợp; bảo đảm thực hiện đầy đủ thời lượng và yêu cầu cần đạt, không tính trùng thời lượng với các hoạt động tập thể khác không thuộc Chương trình HĐTN-HN.

Tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, hoạt động cộng đồng; khai thác các điều kiện văn hóa, lịch sử, kinh tế – xã hội và nghề nghiệp của địa phương, Thủ đô để nâng cao hiệu quả giáo dục.

b) Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng

Tổ chức hướng nghiệp theo từng giai đoạn, chú trọng học sinh lớp 9; giúp học sinh hiểu mình – hiểu nghề – hiểu các hướng học tập trước khi lựa chọn con đường sau THCS.

Cung cấp kịp thời, chính xác thông tin tuyển sinh lớp 10 THPT, giáo dục nghề nghiệp và các cơ hội học tập khác; không định hướng học sinh theo chỉ tiêu hoặc áp đặt lựa chọn.

c) Tăng cường phối hợp

GVCN phối hợp với GVBM, cha mẹ học sinh và các lực lượng liên quan trong theo dõi, tư vấn và định hướng cho học sinh. Chủ động kết nối với các cơ sở giáo dục phù hợp để tổ chức hoạt động tư vấn, giao lưu và trải nghiệm nghề nghiệp.

Thực hiện đánh giá HĐTN-HN theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, chú trọng quá trình tham gia, sự tiến bộ và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của học sinh.

7. Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ

7.1. Nội dung

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 và nhiệm vụ năm học 2026–2027; thực hiện theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT.

Rà soát đội ngũ, phân công chuyên môn phù hợp với chuyên môn đào tạo, năng lực, sở trường và yêu cầu thực tế; ưu tiên bảo đảm giáo viên cho các môn, nội dung còn thiếu. Phát huy vai trò của tổ trưởng, nhóm trưởng, giáo viên cốt cán, giáo viên có kinh nghiệm trong hỗ trợ và phát triển chuyên môn đồng nghiệp.

Tăng cường tự học, tự bồi dưỡng và bồi dưỡng tại chỗ; tập trung vào những nội dung thiết thực như thực hiện Chương trình GDPT 2018, đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá, dạy học tích hợp, giáo dục hòa nhập, sử dụng thiết bị, học liệu và những vấn đề mới, khó trong thực tiễn giảng dạy.

Triển khai bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT; nâng cao năng lực khai thác dữ liệu, học liệu số, công nghệ và ứng dụng AI trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá. Chú trọng sử dụng công nghệ và AI an toàn, có trách nhiệm, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền và đạo đức nghề nghiệp.

7.2. Chỉ tiêu

100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đầy đủ các chương trình bồi dưỡng bắt buộc và thực hiện tự học, tự bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm.

100% giáo viên được tạo điều kiện tham gia sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, chuyên đề và các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp.

100% CBQL, giáo viên được triển khai, bồi dưỡng theo Khung năng lực số quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT; từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ và AI trong công việc.

Phát huy vai trò giáo viên cốt cán, giáo viên giỏi trong hỗ trợ, chia sẻ và bồi dưỡng đồng nghiệp.

Lựa chọn 02 giáo viên có kết quả tốt, đáp ứng yêu cầu để tập trung bồi dưỡng tham gia Hội thi GVG cấp Phường (nếu có); phấn đấu đạt kết quả cao.

7.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Rà soát, sử dụng và phát triển đội ngũ

Ban Giám hiệu rà soát cơ cấu, năng lực và nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ; bố trí, phân công chuyên môn phù hợp. Chủ động xây dựng phương án khắc

phục khó khăn đối với các môn còn thiếu giáo viên; bảo đảm ổn định và chất lượng dạy học.

Tổ trưởng, nhóm trưởng nắm bắt những hạn chế, nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên để đề xuất nội dung hỗ trợ phù hợp; tăng cường hình thức giáo viên hỗ trợ giáo viên, giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ giáo viên mới.

b) Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Kết hợp bồi dưỡng tập trung với tự học, tự bồi dưỡng; khai thác hiệu quả các đợt tập huấn của Bộ, Sở và cơ quan quản lý giáo dục. Sau tập huấn, tổ chức chia sẻ, vận dụng vào thực tế, tránh tình trạng tham gia tập huấn nhưng không chuyển hóa thành hoạt động chuyên môn.

Việc bồi dưỡng thông qua sinh hoạt tổ/nhóm và nghiên cứu bài học thực hiện theo Mục 2; các chuyên đề cấp trường, tổ/nhóm thực hiện tại Mục 8 để tránh trùng lặp.

c) Bồi dưỡng năng lực số và ứng dụng AI

Rà soát mức độ đáp ứng Khung năng lực số của CBQL, giáo viên; lựa chọn nội dung bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu thực tế.

Tăng cường chia sẻ kỹ năng sử dụng công cụ số, khai thác học liệu, xử lý dữ liệu và AI phục vụ công việc; lấy khả năng vận dụng vào quản lý, dạy học và giảm tải công việc làm trọng tâm, không chạy theo số lượng sản phẩm số.

8. Thực hiện các chuyên đề chuyên môn trong năm học

8.1. Nội dung

Tổ chức thực hiện các chuyên đề chuyên môn gắn với nhiệm vụ năm học 2026–2027, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Các tổ/nhóm chuyên môn chủ động lựa chọn chuyên đề trên cơ sở những vấn đề mới, khó, những hạn chế cần khắc phục hoặc yêu cầu đổi mới trong dạy học và giáo dục học sinh; bảo đảm chuyên đề có tính thực tiễn, có khả năng áp dụng, tránh lựa chọn nội dung chung chung hoặc thực hiện để đủ số lượng.

Nội dung chuyên đề tập trung vào một số vấn đề như: đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; dạy học phân hóa; nâng cao chất lượng các môn học; giáo dục hòa nhập; khai thác thiết bị, học liệu; giải quyết những khó khăn đặc thù của từng môn học và những yêu cầu mới trong thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Khuyến khích xây dựng chuyên đề xuất phát từ bài học, chủ đề hoặc tình huống thực tế; có thể tổ chức thông qua báo cáo, trao đổi, thực hành, dạy thể nghiệm hoặc chia sẻ sản phẩm, giải pháp. Sau chuyên đề phải có trao đổi, rút kinh nghiệm và xác định nội dung có thể vận dụng vào thực tế giảng dạy.

Các nội dung về nghiên cứu bài học, STEM, năng lực số, AI đã được triển khai tại Mục 2 và Mục 3; không yêu cầu tổ/nhóm xây dựng lại thành chuyên đề

riêng nếu không có nhu cầu thực tế, nhằm tránh trùng lặp và giảm hồ sơ cho giáo viên.

8.2. Chỉ tiêu

100% tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên đề phù hợp với nhiệm vụ và đặc trưng môn học.

Mỗi tổ/nhóm lựa chọn ít nhất 01 chuyên đề trọng tâm/học kỳ để tổ chức thực hiện; ưu tiên chất lượng, hiệu quả và khả năng áp dụng.

Giáo viên trong tổ/nhóm tham gia xây dựng, trao đổi, thực hiện và vận dụng kết quả chuyên đề theo phân công.

Mỗi chuyên đề sau khi thực hiện có nội dung đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất vận dụng vào thực tế.

Các chuyên đề có chất lượng, hiệu quả được chia sẻ trong tổ, liên tổ hoặc toàn trường; lựa chọn chuyên đề phù hợp tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp Phường/cụm chuyên môn khi được phân công.

8.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Lựa chọn và xây dựng chuyên đề

Ngay từ đầu năm học, tổ/nhóm chuyên môn rà soát những vấn đề còn khó khăn, hạn chế của môn học và kết quả giáo dục năm học trước để xác định chuyên đề cần thực hiện; xây dựng kế hoạch rõ nội dung, thời gian, người phụ trách và hình thức tổ chức.

Không quy định cứng tất cả các nhóm phải thực hiện cùng một loại chuyên đề; khuyến khích lựa chọn nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế của giáo viên và học sinh.

b) Tổ chức thực hiện

Phân công giáo viên hoặc nhóm giáo viên chuẩn bị chuyên đề; phát huy vai trò của tổ trưởng, nhóm trưởng, giáo viên cốt cán và giáo viên có kinh nghiệm trong hỗ trợ đồng nghiệp.

Tổ chức chuyên đề theo hướng tăng trao đổi, thực hành và giải quyết vấn đề, hạn chế báo cáo lý thuyết kéo dài. Trường hợp có dạy thử nghiệm, tập trung phân tích hiệu quả của giải pháp và hoạt động học của học sinh, không sử dụng tiết dạy để xếp loại giáo viên.

c) Đánh giá và vận dụng

Sau chuyên đề, tổ/nhóm chuyên môn trao đổi, thống nhất những nội dung có thể áp dụng; điều chỉnh những giải pháp chưa phù hợp và chia sẻ tài liệu cần thiết để giáo viên vận dụng.

Ban Giám hiệu theo dõi, hỗ trợ và lựa chọn những chuyên đề thiết thực, có hiệu quả để nhân rộng; không yêu cầu giáo viên lập thêm hồ sơ, minh chứng riêng ngoài những nội dung cần thiết phục vụ hoạt động chuyên môn.

9. Công tác phổ cập giáo dục, giáo dục hòa nhập và bảo đảm công bằng trong giáo dục

9.1. Nội dung

Tiếp tục thực hiện công tác phổ cập giáo dục THCS theo quy định hiện hành, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Thực hiện các giải pháp duy trì sĩ số, bảo đảm cơ hội học tập của học sinh; kịp thời phát hiện học sinh có nguy cơ bỏ học, gián đoạn việc học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn để phối hợp với gia đình và các lực lượng liên quan hỗ trợ.

Thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 và các quy định hiện hành. Rà soát đầy đủ học sinh khuyết tật học hòa nhập; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu và đặc điểm cá nhân của từng học sinh.

Giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, yêu cầu, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá đối với học sinh khuyết tật theo quy định; chú trọng sự tiến bộ của học sinh, không áp dụng máy móc yêu cầu chung làm hạn chế cơ hội học tập và phát triển của các em.

Quan tâm các nhóm học sinh cần hỗ trợ như học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập, học sinh có nguy cơ gián đoạn việc học; bảo đảm công bằng, bình đẳng về cơ hội tiếp cận và tham gia các hoạt động giáo dục.

Tăng cường phối hợp giữa GVCN – GVBM – cha mẹ học sinh – bộ phận tư vấn – các tổ chức, cá nhân liên quan trong theo dõi và hỗ trợ học sinh; huy động, sử dụng đúng quy định các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ sách giáo khoa, học liệu, thiết bị và điều kiện học tập khi cần thiết.

9.2. Chỉ tiêu

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS theo tiêu chuẩn quy định.

100% dữ liệu phổ cập thuộc trách nhiệm của nhà trường được rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác, đúng thời gian.

Duy trì sĩ số, hạn chế thấp nhất học sinh bỏ học; 100% học sinh có nguy cơ bỏ học hoặc gián đoạn việc học được phát hiện, theo dõi và có biện pháp hỗ trợ.

100% học sinh khuyết tật học hòa nhập được rà soát, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp theo quy định.

100% giáo viên có học sinh khuyết tật học hòa nhập được hướng dẫn thực hiện điều chỉnh dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng cần hỗ trợ được quan tâm, tạo điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục.

9.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Thực hiện công tác phổ cập và duy trì sĩ số

Phân công cán bộ phụ trách; phối hợp với địa phương rà soát đối tượng trong độ tuổi, cập nhật và đối chiếu dữ liệu, bảo đảm hồ sơ phổ cập đầy đủ, chính xác, thống nhất.

GVCN theo dõi chặt chẽ chuyên cần của học sinh; kịp thời phối hợp với cha mẹ học sinh khi học sinh nghỉ học bất thường hoặc có nguy cơ bỏ học, gián đoạn việc học.

b) Thực hiện giáo dục hòa nhập

Rà soát hồ sơ, nhu cầu và khả năng của từng học sinh khuyết tật; xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp. GVCN, GVBM phối hợp thống nhất mục tiêu, nội dung và giải pháp hỗ trợ.

Thực hiện linh hoạt việc điều chỉnh yêu cầu, phương pháp dạy học và đánh giá theo quy định; ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động chung của lớp và nhà trường phù hợp với khả năng.

c) Bảo đảm công bằng và hỗ trợ học sinh

Rà soát học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh cần hỗ trợ để có giải pháp phù hợp; phối hợp với cha mẹ học sinh, địa phương và các tổ chức liên quan huy động nguồn lực hỗ trợ đúng quy định.

Thực hiện hỗ trợ trên nguyên tắc tôn trọng, không phân biệt đối xử, bảo mật thông tin cá nhân, bảo đảm mọi học sinh có cơ hội học tập, rèn luyện và phát triển.

10. Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện học bạ số và đổi mới quản trị chuyên môn

10.1. Nội dung

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và hoạt động chuyên môn theo Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 về tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ GDĐT;

Thực hiện hiệu quả học bạ số, hồ sơ số và cơ sở dữ liệu ngành; bảo đảm dữ liệu về nhà trường, cán bộ, giáo viên và học sinh được cập nhật đầy đủ, chính xác, đồng bộ, kịp thời. Tăng cường sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý, theo dõi chất lượng và điều hành hoạt động chuyên môn.

Từng bước số hóa và chuẩn hóa hồ sơ chuyên môn theo quy định; khai thác hiệu quả các hệ thống, nền tảng số trong xây dựng kế hoạch, quản lý tiến độ chương trình, kiểm tra đánh giá, thống kê và báo cáo. Không yêu cầu giáo viên thực hiện đồng thời hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử đối với những nội dung đã được quy định thực hiện trên hệ thống, hạn chế hồ sơ và minh chứng trùng lặp.

Tiếp tục xây dựng, khai thác và chia sẻ kho học liệu số dùng chung; khuyến khích tổ/nhóm chuyên môn lựa chọn, xây dựng và sử dụng các học liệu có chất lượng, phù hợp với Chương trình GDPT 2018 và nhu cầu học tập của học sinh.

Tăng cường an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bản quyền trong quá trình sử dụng các hệ thống, nền tảng và học liệu số; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, giáo viên trong quản lý tài khoản, dữ liệu và thông tin của học sinh.

Đổi mới quản trị chuyên môn theo hướng khoa học, công khai, minh bạch, dựa trên dữ liệu và tăng cường trách nhiệm giải trình; ứng dụng công nghệ để giảm công việc hành chính, dành thời gian cho hoạt động chuyên môn và hỗ trợ giáo viên.

10.2. Chỉ tiêu

100% cán bộ, giáo viên thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, hồ sơ số theo quy định và được cấp, sử dụng tài khoản trên các hệ thống phục vụ công việc.

100% hồ sơ học bạ của học sinh được thực hiện trên hệ thống học bạ số theo hướng dẫn; bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng tiến độ.

100% dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc trách nhiệm nhà trường được rà soát, cập nhật và đối soát theo quy định.

100% tổ/nhóm chuyên môn từng bước xây dựng, bổ sung và khai thác học liệu số dùng chung phục vụ dạy học.

Tăng cường sử dụng dữ liệu kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phục vụ phân tích chất lượng và điều chỉnh hoạt động chuyên môn.

Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; không để xảy ra việc công khai, chia sẻ thông tin của cán bộ, giáo viên, học sinh trái quy định.

Giảm hồ sơ, báo cáo và minh chứng trùng lặp; ưu tiên khai thác dữ liệu đã có trên các hệ thống số.

10.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Thực hiện học bạ số và cơ sở dữ liệu

Phân công rõ trách nhiệm của BGH, GVCN, GVBM và bộ phận phụ trách trong cập nhật, kiểm tra, phê duyệt và quản lý dữ liệu; thực hiện đúng quy trình, thời gian quy định.

Định kỳ rà soát, đối chiếu dữ liệu giữa các hệ thống; kịp thời phát hiện, điều chỉnh sai sót, bảo đảm dữ liệu đúng – đủ – sạch – sống – thống nhất.

b) Số hóa và đổi mới quản trị chuyên môn

Tăng cường sử dụng nền tảng số trong quản lý kế hoạch, tiến độ chương trình, kết quả học tập, thống kê và báo cáo; khai thác dữ liệu để theo dõi chất lượng theo khối, lớp, môn học và nhóm đối tượng học sinh, phục vụ chỉ đạo chuyên môn.

Rà soát các loại hồ sơ, biểu mẫu; không phát sinh thêm hồ sơ ngoài quy định, hạn chế yêu cầu giáo viên cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

c) Xây dựng và khai thác học liệu số

Các tổ/nhóm chuyên môn lựa chọn, xây dựng và chia sẻ học liệu số có chất lượng; tổ chức lưu trữ khoa học, thuận tiện trong khai thác và cập nhật.

Khuyến khích sử dụng lại, cải tiến và chia sẻ học liệu hiệu quả thay vì yêu cầu mỗi giáo viên tạo nhiều sản phẩm mới để làm minh chứng.

d) Bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu

Tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên thực hiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn tài khoản, bản quyền và sử dụng thông tin trên môi trường số.

Phân quyền truy cập phù hợp; không chia sẻ tài khoản, dữ liệu học sinh và các thông tin nội bộ không đúng thẩm quyền; thực hiện sao lưu, lưu trữ và xử lý dữ liệu theo quy định.

11. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thư viện và học liệu

11.1. Nội dung

Tiếp tục rà soát, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học, thư viện và học liệu phục vụ thực hiện Chương trình GDPT 2018; thực hiện theo Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị theo từng môn học; xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo trì, bổ sung và sử dụng thiết bị phù hợp với nhu cầu thực tế. Ưu tiên các điều kiện phục vụ những môn học có yêu cầu thực hành, thí nghiệm và sử dụng thiết bị thường xuyên như Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Ngoại ngữ.

Tăng cường khai thác phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ và đồ dùng dạy học hiện có; bảo đảm thiết bị được sử dụng thực chất trong các bài học có yêu cầu, hạn chế tình trạng có thiết bị nhưng ít khai thác hoặc chỉ sử dụng để đối phó với kiểm tra.

Thực hiện quản lý, sử dụng, bảo quản thiết bị đúng quy định; xây dựng lịch sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị dùng chung hợp lý. Chú trọng các yêu cầu về an toàn điện, hóa chất, thiết bị thí nghiệm, dụng cụ thể thao và phòng chống cháy nổ trong quá trình sử dụng.

Phát huy vai trò của thư viện trường học trong hỗ trợ dạy học và phát triển văn hóa đọc; bổ sung sách, tài liệu tham khảo, học liệu phù hợp với Chương trình GDPT 2018; tăng cường các hoạt động đọc sách, giới thiệu sách và hướng dẫn học sinh khai thác tài liệu phục vụ học tập, tự học.

Phát triển và sử dụng hiệu quả học liệu dùng chung của nhà trường, kết hợp hợp lý giữa sách giáo khoa, tài liệu, thiết bị trực quan và học liệu số. Việc xây dựng, quản lý kho học liệu số thực hiện gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số tại Mục 10, không tạo thêm kho hoặc hồ sơ trùng lặp.

11.2. Chỉ tiêu

100% tổ/nhóm chuyên môn rà soát nhu cầu cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ dạy học; đề xuất bổ sung, sửa chữa kịp thời.

100% giáo viên sử dụng thiết bị dạy học bắt buộc và thiết bị hiện có phù hợp với nội dung, yêu cầu cần đạt của bài học.

Các phòng học bộ môn, thiết bị và dụng cụ dùng chung được bố trí lịch sử dụng, quản lý và khai thác đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.

100% thiết bị được kiểm kê, theo dõi, bảo quản theo quy định; kịp thời phát hiện thiết bị hư hỏng, mất an toàn để sửa chữa hoặc đề xuất thay thế.

Duy trì hoạt động thư viện, tăng cường văn hóa đọc và khả năng tự học của học sinh; tạo điều kiện để giáo viên, học sinh tiếp cận sách, tài liệu và học liệu phục vụ dạy học.

Từng bước bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với nguồn lực thực tế của nhà trường.

11.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Rà soát, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị

Đầu năm học và định kỳ trong năm, tổ chức rà soát phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị, dụng cụ và học liệu; các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch dạy học để xác định thiết bị cần sử dụng, thiết bị còn thiếu, hư hỏng hoặc cần bổ sung.

Nhà trường xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, bổ sung theo mức độ cần thiết và khả năng nguồn lực; ưu tiên thiết bị trực tiếp phục vụ thực hiện yêu cầu cần đạt của chương trình.

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị và phòng học bộ môn

Tổ/nhóm chuyên môn rà soát các bài học có yêu cầu sử dụng thiết bị, thực hành, thí nghiệm; chủ động đăng ký và bố trí sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị dùng chung.

Tăng cường hướng dẫn giáo viên sử dụng thiết bị đúng kỹ thuật, an toàn; khuyến khích tự làm, cải tiến và tận dụng thiết bị, vật liệu phù hợp khi bảo đảm yêu cầu chuyên môn và an toàn.

c) Phát huy hiệu quả thư viện và học liệu

Phối hợp giữa cán bộ thư viện và tổ chuyên môn trong lựa chọn, giới thiệu sách, tài liệu phù hợp với môn học và lứa tuổi học sinh; tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc gắn với hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tăng cường chia sẻ và sử dụng học liệu dùng chung; bảo đảm học liệu được thẩm định về nội dung, nguồn gốc và bản quyền trước khi sử dụng rộng rãi.

d) Kiểm tra, quản lý và bảo đảm an toàn

Phân công trách nhiệm quản lý phòng học bộ môn, thiết bị, thư viện; thực hiện kiểm kê, bảo trì và theo dõi tình trạng sử dụng theo quy định.

Ban Giám hiệu kết hợp kiểm tra việc sử dụng thiết bị với hoạt động chuyên môn; chú trọng hiệu quả sử dụng thực tế, không yêu cầu giáo viên tạo thêm hồ sơ, hình ảnh hoặc minh chứng hình thức.

12. Bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu và ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT

12.1. Nội dung

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn, thực hiện theo Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Tổ chức phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh có năng lực, sở trường; xây dựng nguồn học sinh giỏi từ các lớp 6, 7, 8, đồng thời tập trung bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi lớp 9. Nội dung bồi dưỡng bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018, định hướng các kỳ thi của cấp có thẩm quyền; chú trọng phát triển tư duy, khả năng vận dụng, tự học và giải quyết vấn đề, không gây quá tải cho học sinh.

Đối với khối 9, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa; chủ động xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng, khảo sát và điều chỉnh đội tuyển. Đối với môn Khoa học tự nhiên, tổ chức bồi dưỡng phù hợp với các mạch nội dung Năng lượng và sự biến đổi, Chất và sự biến đổi chất, Vật sống theo định hướng thi của năm học.

Song song với giáo dục mũi nhọn, thực hiện rà soát, phân loại và hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu ngay từ đầu năm và trong từng giai đoạn. Giáo viên xác định rõ những kiến thức, kỹ năng học sinh còn hạn chế, nguyên nhân và xây dựng giải pháp hỗ trợ phù hợp; không để học sinh mất kiến thức nền kéo dài hoặc đến cuối học kỳ, cuối năm mới tổ chức hỗ trợ.

Tập trung nâng cao chất lượng ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT đối với học sinh lớp 9. Các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch ôn tập trên cơ sở yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, cấu trúc và định hướng kỳ thi của Sở GDĐT Hà Nội; bảo đảm củng cố kiến thức, kỹ năng cơ bản đồng thời phát triển năng lực vận dụng và phân hóa phù hợp.

Thường xuyên tổ chức khảo sát, phân tích kết quả học tập của học sinh lớp 9 theo môn học, lớp, nhóm đối tượng và nội dung kiến thức, kỹ năng; sử dụng kết quả để điều chỉnh nội dung, phương pháp, tiến độ ôn tập và hỗ trợ từng nhóm học sinh. Chú trọng các môn thi tuyển sinh vào lớp 10, đặc biệt Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh theo phương án tuyển sinh được cấp có thẩm quyền ban hành.

Tăng cường phối hợp giữa BGH – tổ/nhóm chuyên môn – GVCN – GVBM – cha mẹ học sinh trong quản lý, động viên và hỗ trợ học sinh; tạo điều kiện để học sinh phát huy năng lực, đồng thời giảm số học sinh chưa đạt yêu cầu và nâng cao chất lượng tuyển sinh lớp 10.

12.2. Chỉ tiêu

a) Đối với học sinh giỏi

100% các khối lớp được rà soát, phát hiện học sinh có năng lực, sở trường để xây dựng nguồn bồi dưỡng.

Khối 6, 7, 8 tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng lực ở các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;

Khối 9 thành lập và bồi dưỡng đầy đủ các đội tuyển theo các môn văn hóa theo quy định.

Thực hiện tuyển chọn đội tuyển qua các giai đoạn, bảo đảm đúng năng lực, chất lượng và hiệu quả, không chạy theo số lượng.

Phấn đấu duy trì và nâng cao số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi cấp Phường và Thành phố so với năm học trước.

b) Đối với học sinh chưa đạt yêu cầu

100% học sinh chưa đạt yêu cầu hoặc có nguy cơ chưa đạt được rà soát, lập danh sách, xác định nội dung cần hỗ trợ và có giải pháp phù hợp.

Giáo viên theo dõi sự tiến bộ của học sinh trong từng giai đoạn; kịp thời điều chỉnh phương pháp và nội dung hỗ trợ.

Phấn đấu giảm tỷ lệ học sinh chưa đạt yêu cầu sau mỗi học kỳ; hạn chế học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại và rèn luyện trong kỳ nghỉ hè.

c) Đối với ôn thi tuyển sinh lớp 10

100% học sinh lớp 9 được rà soát, phân loại và có kế hoạch ôn tập phù hợp.

100% nhóm chuyên môn có môn thi tuyển sinh lớp 10 xây dựng kế hoạch ôn tập, hệ thống nội dung, tài liệu và tổ chức khảo sát theo kế hoạch chung của nhà trường.

Thực hiện phân tích kết quả các đợt khảo sát để điều chỉnh việc ôn tập và hỗ trợ học sinh.

Phấn đấu nâng cao điểm trung bình các môn thi, tỷ lệ học sinh trúng tuyển và vị trí của nhà trường trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

12.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi

Tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng từ đầu năm học; chú trọng xây dựng nguồn kế cận từ lớp 6, 7, 8 và tập trung đầu tư đội tuyển lớp 9.

Phân công giáo viên có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm phụ trách đội tuyển; xây dựng nội dung bồi dưỡng theo từng giai đoạn, tăng cường bài tập phát triển tư duy, vận dụng và giải quyết vấn đề.

Tổ chức khảo sát định kỳ, đánh giá thực chất sự tiến bộ của học sinh để điều chỉnh đội tuyển và nội dung bồi dưỡng; tăng cường trao đổi học liệu, kinh nghiệm giữa giáo viên trong nhóm chuyên môn.

b) Hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu

Ngay từ đầu năm và sau từng đợt kiểm tra, GVBM phối hợp GVCN rà soát học sinh có kiến thức, kỹ năng còn hạn chế; xác định cụ thể học sinh yếu ở nội dung nào, nguyên nhân và giải pháp hỗ trợ, tránh hỗ trợ đồng loạt, hình thức.

Tổ chức củng cố kiến thức nền, hướng dẫn phương pháp học tập, giao nhiệm vụ vừa sức và theo dõi sự tiến bộ. Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong quản lý việc học và động viên học sinh.

Việc hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu được thực hiện linh hoạt trong giờ học, buổi học thứ hai và các hình thức phù hợp theo quy định; không thu tiền đối với các hoạt động hỗ trợ thuộc trách nhiệm của nhà trường.

c) Ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT

Các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch ôn thi theo từng giai đoạn: củng cố kiến thức, hệ thống hóa chuyên đề, luyện tập – vận dụng và hoàn thiện kỹ năng làm bài; cập nhật kịp thời phương án, cấu trúc, yêu cầu của kỳ thi khi Sở GDĐT Hà Nội ban hành.

Tổ chức khảo sát chất lượng lớp 9 theo kế hoạch; sau mỗi đợt khảo sát, phân tích kết quả đến từng lớp, nhóm học sinh và dạng kiến thức, kỹ năng, xác định nguyên nhân và giao nhiệm vụ điều chỉnh cụ thể cho giáo viên.

Thực hiện dạy học phân hóa trong ôn tập; xây dựng phương án phù hợp với nhóm học sinh còn hạn chế, nhóm cơ bản và nhóm có khả năng đạt điểm cao, bảo đảm vừa nâng mặt bằng chung vừa phát huy học sinh khá, giỏi.

BGH trực tiếp theo dõi tiến độ và chất lượng ôn thi; tổ trưởng, nhóm trưởng chịu trách nhiệm về kế hoạch, nội dung và chất lượng chuyên môn; GVCM phối hợp GVBM và cha mẹ học sinh quản lý chuyên cần, ý thức và động viên học sinh trong giai đoạn ôn thi.

13. Thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm

13.1. Nội dung

Thực hiện nghiêm các quy định về dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026,

Tổ chức quán triệt đầy đủ các quy định đến cán bộ, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh; nâng cao trách nhiệm của giáo viên trong việc chấp hành các quy định về dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường.

Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm có thu tiền. Việc tổ chức các hoạt động củng cố kiến thức, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi và ôn tập cho học sinh lớp 9 được thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, đúng đối tượng và đúng quy định.

Tổ chức ôn tập cho học sinh lớp 9 chuẩn bị thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT theo kế hoạch của nhà trường; nội dung, thời lượng và hình thức tổ chức phù

hợp với nhu cầu, năng lực học sinh, không gây quá tải. Việc ôn tập, hỗ trợ học sinh thuộc trách nhiệm của nhà trường được thực hiện không thu tiền theo quy định.

Giáo viên tham gia dạy thêm ngoài nhà trường phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành; không ép buộc, vận động hoặc dùng bất kỳ hình thức nào để học sinh học thêm; không cắt giảm nội dung dạy học chính khóa để đưa vào dạy thêm; bảo đảm quyền tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời tiếp nhận, xác minh và xử lý các phản ánh liên quan đến dạy thêm, học thêm theo thẩm quyền.

13.2. Chỉ tiêu

100% cán bộ, giáo viên được quán triệt và thực hiện đúng các quy định về dạy thêm, học thêm.

100% giáo viên có hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định.

Không để xảy ra tình trạng ép buộc học sinh học thêm, cắt xén nội dung chính khóa, dạy trước chương trình hoặc tổ chức dạy thêm trái quy định.

Các hoạt động bồi dưỡng HSG, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu và ôn thi tuyển sinh lớp 10 do nhà trường tổ chức được thực hiện đúng kế hoạch, đúng đối tượng và quy định.

Kịp thời kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm nếu phát sinh.

13.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền, quán triệt quy định

Phổ biến đầy đủ các quy định về dạy thêm, học thêm đến CBQL, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh; yêu cầu giáo viên thực hiện nghiêm túc trách nhiệm nghề nghiệp, không tạo áp lực hoặc nhu cầu học thêm không cần thiết cho học sinh.

b) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh đúng quy định

Việc bồi dưỡng HSG, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu và ôn thi tuyển sinh lớp 10 thực hiện theo kế hoạch tại Mục 12; nhà trường bố trí giáo viên, thời gian và nội dung phù hợp, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

c) Kiểm tra, giám sát

Ban Giám hiệu tăng cường nắm bắt tình hình, kiểm tra việc thực hiện của giáo viên; công khai kênh tiếp nhận phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh. Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, tổ chức xác minh và xử lý theo đúng quy định.

14. Xây dựng nền nếp học tập, rèn luyện và văn hóa học đường

14.1. Nội dung

Tăng cường xây dựng kỷ cương, nền nếp học tập và rèn luyện của học sinh theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026.

Ngay từ đầu năm học, tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy tắc ứng xử và các quy định về nền nếp học tập; hình thành ý thức tự giác, trách nhiệm, trung thực, kỷ luật, kỹ năng tự học, giữ gìn tài sản, vệ sinh môi trường và xây dựng văn hóa trường học.

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm của học sinh; xây dựng mối quan hệ tôn trọng, thân thiện giữa học sinh với giáo viên, nhân viên và bạn bè; phát huy tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và trách nhiệm với cộng đồng.

Chú trọng xây dựng nền nếp học tập trên lớp và tự học: đi học chuyên cần, đúng giờ; chuẩn bị bài, sách vở và đồ dùng học tập; tích cực tham gia hoạt động học; trung thực trong kiểm tra, đánh giá; từng bước hình thành khả năng tự quản lý thời gian và tự chịu trách nhiệm về kết quả học tập.

Tăng cường giáo dục học sinh về văn hóa và trách nhiệm trên môi trường số; sử dụng thiết bị số, điện thoại và mạng xã hội đúng quy định; biết bảo vệ thông tin cá nhân, tôn trọng người khác, không phát tán nội dung xấu, độc hoặc tham gia các hành vi bắt nạt, xúc phạm trên không gian mạng.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực học đường, bảo đảm an ninh, an toàn trường học; phát hiện sớm học sinh có biểu hiện vi phạm nền nếp, sa sút trong học tập, mâu thuẫn hoặc có nguy cơ mất an toàn để kịp thời phối hợp giáo dục, hỗ trợ.

Phát huy vai trò phối hợp giữa GVCN – GVBM – cha mẹ học sinh – Tổng phụ trách Đội và các lực lượng giáo dục trong quản lý, giáo dục học sinh; thực hiện giáo dục tích cực, tôn trọng học sinh, chú trọng động viên và ghi nhận sự tiến bộ.

14.2. Chỉ tiêu

100% học sinh được phổ biến và thực hiện nội quy, quy tắc ứng xử, các quy định về nền nếp học tập và an toàn trường học.

100% lớp xây dựng, duy trì nền nếp học tập, tự quản và văn hóa lớp học ngay từ đầu năm.

Duy trì tỷ lệ chuyên cần cao; hạn chế học sinh đi học muộn, nghỉ học không có lý do và vi phạm nền nếp.

100% học sinh có biểu hiện vi phạm, sa sút trong học tập hoặc cần hỗ trợ được phát hiện, theo dõi và có biện pháp giáo dục phù hợp.

100% học sinh được giáo dục về an toàn, văn hóa ứng xử và trách nhiệm trên môi trường số.

Phấn đấu giảm các trường hợp vi phạm nội quy, bạo lực học đường và các hành vi ứng xử không phù hợp so với năm học trước.

14.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Xây dựng nền nếp ngay từ đầu năm

GVCN tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy tắc ứng xử; thống nhất các yêu cầu về học tập, rèn luyện và tự quản. Đặc biệt quan tâm học sinh lớp 6 trong giai đoạn chuyển tiếp từ tiểu học lên THCS.

Duy trì nền nếp kiểm tra chuyên cần, chuẩn bị bài, thực hiện nhiệm vụ học tập và ý thức rèn luyện; kịp thời biểu dương học sinh có tiến bộ.

b) Tăng cường phối hợp giáo dục học sinh

GVCN giữ vai trò đầu mối, thường xuyên trao đổi với GVBM và cha mẹ học sinh về tình hình học tập, rèn luyện; phát hiện sớm những biểu hiện bất thường để phối hợp xử lý.

Đối với học sinh thường xuyên vi phạm hoặc chậm tiến bộ, xây dựng biện pháp giáo dục cụ thể, xác định trách nhiệm phối hợp giữa nhà trường và gia đình; tránh phê bình, xử lý mang tính áp đặt hoặc làm tổn thương học sinh.

c) Phát huy vai trò tự quản của học sinh

Tăng cường các hoạt động tự quản của lớp, Đội Thiếu niên và các câu lạc bộ; tạo cơ hội để học sinh tham gia xây dựng môi trường học tập kỷ cương – văn minh – thân thiện – an toàn – hạnh phúc.

Theo dõi nền nếp gắn với giáo dục và sự tiến bộ của học sinh; không chạy theo thi đua hình thức, không tạo thêm hồ sơ theo dõi không cần thiết.

15. Công tác sáng kiến, nghiên cứu và cải tiến chất lượng giáo dục

15.1. Nội dung

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, sáng kiến và cải tiến chất lượng gắn với thực tiễn quản lý, dạy học và giáo dục học sinh; thực hiện theo Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026.

Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên lựa chọn những vấn đề thực tế, khó khăn, bất cập trong công tác chuyên môn để nghiên cứu, đề xuất giải pháp; ưu tiên các nội dung về nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, công tác chủ nhiệm, giáo dục học sinh, quản trị nhà trường và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Chú trọng tính mới, tính thực tiễn, hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng của sáng kiến; không chạy theo số lượng, không sao chép, hình thức hóa hoặc xây dựng sáng kiến chỉ nhằm hoàn thiện hồ sơ thi đua.

Khuyến khích giáo viên chia sẻ các giải pháp, kinh nghiệm có hiệu quả trong tổ/nhóm chuyên môn; lựa chọn những sáng kiến, giải pháp có giá trị để áp dụng, phổ biến và nhân rộng trong nhà trường.

15.2. Chỉ tiêu

Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên có giải pháp đổi mới, cải tiến được áp dụng trong thực tiễn công tác.

Phân đầu có ít nhất 14 sáng kiến được cấp có thẩm quyền đánh giá, công nhận đạt trong năm học.

100% sáng kiến đăng ký xét công nhận bảo đảm đúng quy định, có minh chứng về quá trình áp dụng và hiệu quả thực tế.

Các sáng kiến, giải pháp có chất lượng được chia sẻ, vận dụng trong tổ/nhóm chuyên môn và nhà trường.

15.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Định hướng và hỗ trợ thực hiện

Ngay từ đầu năm học, định hướng cán bộ, giáo viên lựa chọn vấn đề nghiên cứu xuất phát từ nhiệm vụ được giao và những vấn đề cần cải tiến trong thực tiễn; tránh lựa chọn đề tài quá rộng hoặc thiếu khả năng áp dụng.

Tổ/nhóm chuyên môn hỗ trợ giáo viên trao đổi, hoàn thiện giải pháp; khuyến khích thử nghiệm, điều chỉnh và đánh giá hiệu quả trước khi đề nghị công nhận sáng kiến.

b) Đánh giá, áp dụng và nhân rộng

Thực hiện việc đăng ký, đánh giá và đề nghị công nhận sáng kiến đúng quy định; coi trọng hiệu quả áp dụng thực tế, không lấy số lượng sáng kiến làm tiêu chí duy nhất đánh giá chất lượng chuyên môn.

Tổ chức chia sẻ những sáng kiến, giải pháp có hiệu quả trong sinh hoạt chuyên môn; lựa chọn nội dung phù hợp để áp dụng, nhân rộng, góp phần cải tiến chất lượng quản lý, dạy học và giáo dục học sinh.

16. Kiểm tra nội bộ, tăng cường kỷ cương và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

16.1. Nội dung

Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trong lĩnh vực chuyên môn gắn với nhiệm vụ năm học 2026–2027; căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT, Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026.

Tăng cường kỷ cương, nề nếp và trách nhiệm của cán bộ quản lý, tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Gắn trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được phân công; bảo đảm các kế hoạch sau khi ban hành được tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

Tổ chức kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục; quy chế chuyên môn; tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; thực hiện nhiệm vụ của tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên; các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ mới của năm học. Nội dung kiểm tra cụ thể thực hiện theo các nhiệm vụ đã xác định tại Mục 1 đến Mục 15 của Kế hoạch, không xây dựng thêm hệ thống hồ sơ, minh chứng riêng phục vụ kiểm tra.

Đổi mới công tác kiểm tra theo hướng tư vấn, hỗ trợ, phòng ngừa và cải tiến, chú trọng phát hiện những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ; không nặng về kiểm tra hồ sơ, sổ sách, không gây áp lực hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết.

Kết hợp linh hoạt giữa kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra theo chuyên đề và nắm bắt tình hình thực tế thông qua dự giờ, tham gia sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, trao đổi với giáo viên, phân tích kết quả học tập của học sinh và các nguồn thông tin phù hợp.

Thực hiện nghiêm việc tư vấn và theo dõi sau kiểm tra. Những hạn chế được phát hiện phải xác định rõ nguyên nhân, biện pháp và thời gian khắc phục; những vấn đề chung được đưa vào sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn hoặc bồi dưỡng tại chỗ để thống nhất giải pháp.

Sử dụng kết quả kiểm tra làm căn cứ điều chỉnh hoạt động chuyên môn, hỗ trợ phát triển năng lực giáo viên và cải tiến chất lượng giáo dục; đồng thời làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy định.

16.2. Chỉ tiêu

100% tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên thực hiện nghiêm quy chế, kỷ cương, nề nếp chuyên môn và nhiệm vụ được giao.

Thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, bảo đảm đúng tiến độ, có trọng tâm và phù hợp thực tế.

100% tổ/nhóm chuyên môn được theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm trong năm học.

100% tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra được tư vấn, hướng dẫn khắc phục; những nội dung cần thiết được theo dõi, kiểm tra lại.

Kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các trường hợp thực hiện chưa đúng quy định; không để những hạn chế kéo dài ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Không yêu cầu giáo viên lập thêm hồ sơ, sổ sách, báo cáo hoặc minh chứng trùng lặp, không cần thiết chỉ để phục vụ công tác kiểm tra.

16.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra

Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ phù hợp với nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế; xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, người thực hiện và yêu cầu sau kiểm tra.

Lựa chọn nội dung kiểm tra trên cơ sở mức độ quan trọng, những vấn đề mới, khó hoặc những nội dung cần cải tiến; tránh kiểm tra dàn trải, trùng lặp giữa Ban Giám hiệu với tổ/nhóm chuyên môn.

b) Phát huy trách nhiệm của tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn

Tổ trưởng, nhóm trưởng thường xuyên theo dõi tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; chủ động phát hiện khó khăn, hỗ trợ và đề xuất với Ban Giám hiệu những vấn đề vượt thẩm quyền.

Phân định rõ kiểm tra của Ban Giám hiệu với hoạt động quản lý, hỗ trợ thường xuyên của tổ/nhóm, tránh nhiều cấp cùng kiểm tra một nội dung hoặc yêu cầu giáo viên báo cáo nhiều lần.

c) Đổi mới hình thức kiểm tra

Kết hợp kiểm tra hồ sơ cần thiết với dự giờ, quan sát hoạt động dạy học, trao đổi chuyên môn, phân tích kết quả và sản phẩm học tập của học sinh; lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và sự tiến bộ của học sinh làm căn cứ quan trọng.

Tăng cường dự giờ theo hướng tư vấn, hỗ trợ và phát triển chuyên môn; không đồng nhất mọi hoạt động dự giờ với kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo viên.

d) Thực hiện khắc phục và cải tiến sau kiểm tra

Sau kiểm tra, trao đổi trực tiếp với tập thể, cá nhân; chỉ rõ những nội dung thực hiện tốt để phát huy, những hạn chế cần điều chỉnh và thống nhất biện pháp khắc phục.

Đối với vấn đề mang tính phổ biến, tổ chức trao đổi trong tổ/nhóm chuyên môn hoặc bồi dưỡng tại chỗ; đối với hạn chế của cá nhân, thực hiện tư vấn, hỗ trợ và theo dõi tiến bộ.

Định kỳ rà soát kết quả khắc phục; sử dụng thông tin từ kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch, cải tiến phương thức quản lý và nâng cao chất lượng chuyên môn, bảo đảm công tác kiểm tra thực sự phục vụ sự phát triển của nhà trường.

17. Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn và tăng cường phối hợp, chia sẻ chuyên môn

17.1. Nội dung

Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn cấp Phường, cụm chuyên môn và các hoạt động chuyên môn liên trường theo Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026.

Chủ động cử cán bộ quản lý, tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động chuyên môn; phát huy tinh thần trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm giữa giáo viên các trường.

Nội dung sinh hoạt tập trung vào những vấn đề mới, khó và cần thống nhất trong thực hiện Chương trình GDPT 2018; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; chia sẻ học liệu, kinh nghiệm và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Chủ động tiếp nhận, lựa chọn và vận dụng các nội dung, giải pháp phù hợp từ sinh hoạt cụm vào hoạt động chuyên môn của nhà trường; tổ chức chia sẻ lại trong tổ/nhóm để giáo viên cùng thực hiện.

Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ khi nhà trường được phân công đăng cai, tổ chức chuyên đề, dạy minh họa hoặc chuẩn bị nội dung sinh hoạt chuyên môn; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức và không làm phát sinh hồ sơ không cần thiết.

17.2. Chỉ tiêu

100% cán bộ, giáo viên được phân công tham gia đầy đủ, nghiêm túc các hoạt động chuyên môn cấp Phường, cụm chuyên môn.

100% tổ/nhóm chuyên môn chủ động chia sẻ, tiếp nhận và vận dụng các nội dung chuyên môn phù hợp sau các đợt sinh hoạt.

Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ chuyên môn do cơ quan quản lý giáo dục và cụm chuyên môn phân công.

Tăng cường chia sẻ học liệu, bài học, kinh nghiệm và giải pháp chuyên môn giữa giáo viên trong trường và các trường trong cụm.

Các nội dung có giá trị sau sinh hoạt cụm được vận dụng phù hợp vào thực tế dạy học, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn.

17.3. Biện pháp, giải pháp thực hiện

a) Chủ động tham gia các hoạt động chuyên môn

Ban Giám hiệu theo dõi kế hoạch của cấp trên, lựa chọn và cử đúng thành phần tham gia; tạo điều kiện về thời gian để cán bộ, giáo viên thực hiện nhiệm vụ.

Tổ trưởng, nhóm trưởng chủ động chuẩn bị các vấn đề cần trao đổi, khó khăn cần tháo gỡ và kinh nghiệm cần chia sẻ, nâng cao hiệu quả tham gia sinh hoạt cụm.

b) Chia sẻ và vận dụng kết quả

Sau các hoạt động chuyên môn quan trọng, giáo viên tham dự có trách nhiệm chia sẻ những nội dung cần thiết với tổ/nhóm; lựa chọn các giải pháp phù hợp để vận dụng, không sao chép máy móc cách làm của đơn vị khác.

c) Thực hiện nhiệm vụ được phân công

Khi được giao đăng cai hoặc chuẩn bị nội dung, nhà trường phân công rõ trách nhiệm, phối hợp giữa BGH, tổ/nhóm và giáo viên; chuẩn bị chu đáo, đúng yêu cầu và tiến độ.

Khuyến khích giáo viên tích cực chia sẻ kinh nghiệm, học liệu và các giải pháp đã được kiểm chứng trong thực tế, qua đó tăng cường hỗ trợ chuyên môn giữa các nhà trường.

III. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025–2026, tình hình thực tế của nhà trường và đăng ký chỉ tiêu của các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên, nhà trường xác định các chỉ tiêu phân đầu năm học 2026–2027 như sau:

1. Chỉ tiêu về kết quả học tập và rèn luyện

2.1. Kết quả học tập

Khối	Sĩ số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
6	829	507	61.1	262	31.6	60	7.2	0	0
7	805	534	65.7	219	27.5	47	6.6	4	0.55
8	715	483	59.2	180	26.0	50	6.9	2	0.3
9	792	500	62.9	214	26.8	74	9.7	4	0.5
Toàn trường	3141	2.316	73.7	785	24.9	231	7.3	10	

Phân đầu tăng tỷ lệ học sinh có kết quả học tập Tốt, Khá, duy trì vững chắc học sinh mức Đạt; giảm tỷ lệ học sinh Chưa đạt so với năm học trước. 100% học sinh chưa đạt yêu cầu được rà soát và có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

2.2. Kết quả rèn luyện

Khối	Sĩ số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
6	829	792	95.5	37	4.5	0	0	0	0
7	808	784	97.5	20	2.5	0	0	0	0
8	715	688	96.2	27	3.8	0	0	0	0
9	792	761	96.05	28	2.89	3	0.42	0	0
Toàn trường	1341	3.025	96.3	112	3.28	3	0.42	0	0

Phân đầu duy trì tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện Tốt, Khá ở mức cao, hạn chế thấp nhất học sinh rèn luyện Chưa đạt; chú trọng giáo dục nền nếp, ý thức tự giác, trách nhiệm và văn hóa ứng xử.

Chỉ tiêu cụ thể theo từng lớp được tổng hợp tại Phụ lục 01

2. Chỉ tiêu về giáo dục mũi nhọn và tuyển sinh vào lớp 10 THPT

2.1. Học sinh giỏi

Đối với khối 6, 7, 8, tập trung phát hiện, xây dựng nguồn và bồi dưỡng học sinh có năng lực ở các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;

Đối với khối 9, thành lập và bồi dưỡng đội tuyển các môn theo quy định; phân đầu nâng cao số lượng, chất lượng giải cấp Thành phố.

2.2. Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT

- 100% học sinh lớp 9 được phân loại, tư vấn và tổ chức ôn tập phù hợp.
- Phân đầu 90% HS đỗ vào các trường công lập.
- Nâng điểm trung bình các môn Toán, Tiếng Anh thi so với năm học trước.
- Giảm số học sinh có điểm thi thấp; tăng tỷ lệ học sinh đạt điểm khá, giỏi.
- Nâng cao tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập.

- Phân đầu duy trì vị trí của nhà trường trong kết quả tuyển sinh lớp 10 của địa phương.

3. Chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

3.1. Thực hiện nhiệm vụ và phát triển chuyên môn

- 100% CBQL, giáo viên thực hiện nghiêm quy chế, nề nếp và nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- 100% giáo viên tham gia đầy đủ sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, nghiên cứu bài học, tập huấn và bồi dưỡng theo kế hoạch.

- Mỗi môn thực hiện ít nhất 02 bài học nghiên cứu bài học/học kì.

- 100% CBQL, giáo viên được triển khai, bồi dưỡng về năng lực số; từng bước nâng cao khả năng sử dụng công nghệ và AI trong công việc.

- 100% tổ/nhóm thực hiện các chuyên đề theo kế hoạch; kết quả được vận dụng vào thực tế dạy học.

3.2. Chuẩn chức danh nghề nghiệp, đánh giá xếp loại viên chức

*** Chuẩn chức danh nghề nghiệp**

Đối tượng	Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
CBQL	3	3	100	0	0	0	0	0	0
GV tổ KHTN	40	12	30%	28	70%	0	0	0	0
GV tổ KHXH	31	9	29%	22	71%	0	0	0	0
GV tổ NK	18	3	17%	15	83%	0	0	0	0
Tổng	92	27	29.3		70.6	0	0	0	0

Phân đầu 100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Đạt trở lên, tăng tỷ lệ xếp loại Tốt, Khá phù hợp với kết quả thực hiện nhiệm vụ thực tế.

*** Đánh giá xếp loại viên chức**

Đối tượng	Tổng số	HT XSNV		HT TNV		HT NV		Không HT NV	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
CBQL	3	1	33.3%	2	66,7%	0	0	0	0
GV tổ KHTN	40	8	20%	32	80%	0	0	0	0
GV tổ KHXH	31	6	19,4%	25	80.6%	0	0	0	0
Tổ HC	6	1	16,7%	5	83.3	0	0	0	0
Tổ NK	18	3	17%	15	83%	0	0	0	0
Tổng	92	19	20.7%	73	79.3%	0	0	0	0

Phần đầu 100% CBQL, giáo viên đạt đánh giá xếp loại viên chức từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4.1. Sáng kiến

- Khuyến khích CBQL, giáo viên đăng ký các sáng kiến, giải pháp đổi mới xuất phát từ thực tiễn.

- Phần đầu có ít nhất 16 sáng kiến được cấp có thẩm quyền đánh giá, công nhận đạt.

- Các sáng kiến có hiệu quả được áp dụng, chia sẻ và nhân rộng trong nhà trường.

4.2 Chỉ tiêu thi đua

Căn cứ đăng ký của cá nhân và kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhà trường phân đầu:

- 100% CB, GV, NV hoàn thành nhiệm vụ; tỷ lệ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt mức cao.

- Số cá nhân Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thực hiện theo tỷ lệ, điều kiện và quy định hiện hành.

- Phần đầu đạt các danh hiệu thi đua cá nhân, tập thể theo đăng ký và quy định của cấp có thẩm quyền.

- Nhà trường phân đầu giữ vững danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ban Giám hiệu và tổ/nhóm chuyên môn

Thực hiện quản lý chuyên môn bảo đảm dân chủ, kỷ cương, chủ động, hiệu quả và trách nhiệm giải trình; phân công giảng dạy phù hợp chuyên môn đào tạo, năng lực giáo viên và yêu cầu thực tế của nhà trường.

Chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT, chú trọng nghiên cứu bài học, tháo gỡ khó khăn thực tế, nâng cao chất lượng dạy học; tránh sinh hoạt hành chính, hình thức.

Thường xuyên theo dõi việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, nền nếp chuyên môn, cập nhật điểm, chuyên cần và dữ liệu học sinh; bảo đảm đúng, đủ, chính xác, kịp thời.

Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất khi cần thiết; tập trung vào việc thực hiện chương trình, chất lượng bài dạy, kiểm tra đánh giá và hiệu quả giáo dục; không nặng nề kiểm tra hồ sơ, sổ sách.

Tăng cường dự giờ, thăm lớp, tư vấn và hỗ trợ giáo viên; tổ chức chuyên đề, nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm; kịp thời phát hiện và nhân rộng các giải pháp chuyên môn hiệu quả.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu; thường xuyên phân tích kết quả học tập để có giải pháp nâng cao chất lượng, đặc biệt đối với học sinh lớp 9.

2. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, kế hoạch giáo dục và nhiệm vụ được phân công; chủ động, chịu trách nhiệm về chất lượng môn học, lớp học được giao.

Tham gia đầy đủ các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, sinh hoạt cụm chuyên môn; tăng cường tự học, tự bồi dưỡng, dự giờ, nghiên cứu bài học và chia sẻ chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, tăng cường thực hành, trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thực hiện đúng quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh; chú trọng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, dạy học phân hóa, kịp thời hỗ trợ học sinh còn khó khăn và phát triển học sinh có năng lực, sở trường.

Chủ động ứng dụng công nghệ số, học liệu số và AI phù hợp, an toàn, có trách nhiệm trong dạy học và công tác chuyên môn; thực hiện đầy đủ hồ sơ điện tử, cập nhật dữ liệu theo quy định.

Giáo viên có kinh nghiệm, giáo viên cốt cán có trách nhiệm hỗ trợ giáo viên trẻ, giáo viên mới và đồng nghiệp khi có nhu cầu; tích cực tham gia xây dựng, chia sẻ học liệu và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Đối với học sinh

Thực hiện nghiêm nội quy nhà trường; xây dựng nền nếp học tập tự giác, chủ động, trung thực và có trách nhiệm; tích cực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm và rèn luyện.

Được giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, học tập hợp tác; khuyến khích xây dựng đôi bạn, nhóm bạn cùng tiến, hỗ trợ nhau trong học tập và rèn luyện.

Tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng, phụ đạo, câu lạc bộ, STEM, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể thao và hoạt động trải nghiệm phù hợp với năng lực, sở trường.

Học sinh chưa đạt yêu cầu được nhà trường, giáo viên quan tâm hỗ trợ; học sinh có năng lực, năng khiếu được tạo điều kiện phát triển; bảo đảm cơ hội học tập và sự tiến bộ của từng học sinh.

Có ý thức sử dụng Internet, mạng xã hội, thiết bị số và AI an toàn, văn minh, có trách nhiệm, tuân thủ quy định của nhà trường và pháp luật.

Trên đây là kế hoạch chuyên môn năm học 2026 – 2027 của trường THCS Văn Yên. Đề nghị các đồng chí tổ trưởng chuyên môn, các giáo viên và các tổ chức đoàn thể trong trường triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Nơi nhận:

- HT (để báo cáo);
- TTCM (thực hiện);
- Lưu: VT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Oanh

LỊCH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CỤ THỂ TỪNG THÁNG
NĂM HỌC 2026 – 2027

(Kèm theo kế hoạch số 330 /KHCM-THCSVY ngày 6 /9/2026)

Tháng	Nhiệm vụ trọng tâm	Người thực hiện	Điều chỉnh-bổ sung
Tháng 8 /2026	- Tổ chức cho học sinh ôn tập, kiểm tra lại, chấm thi, xét lên lớp theo quy định	BGH, GV	
	- Hoàn thiện phân công chuyên môn, GVCN, TKB; kiện toàn tổ/nhóm chuyên môn.	BGH	
	- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn; triển khai nhiệm vụ năm học 2026–2027.	BGH, GV	
	- Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch tổ/nhóm; kế hoạch giáo dục môn học, HĐGD.	BGH	
	- Rà soát chương trình, SGK, thiết bị, phòng học bộ môn, Nội dung GDĐP.	Tổ chuyên môn	
	- Tập huấn, định hướng triển khai STEM, năng lực số, AI, học bạ số; xây dựng kế hoạch chuyên đề năm học.	GV, Tổ chuyên môn	
	- Chuẩn bị tựu trường, khai giảng; rà soát PCGD-XMC.	BGH	
	- Xây dựng kế hoạch thi GVDG cấp trường, chuẩn bị đội ngũ tham gia Hội thi GVG Toán, KHTN (mạch Vật sống).	BGH, Tổ chuyên môn	
Tháng 9/2026	- Tổ chức khai giảng; ổn định nề nếp dạy học, thực hiện chương trình và TKB.	BGH, GV,NV	
	- Rà soát, hoàn thiện hồ sơ, kế hoạch chuyên môn; triển khai quy chế chuyên môn, kiểm tra đánh giá, dạy thêm học thêm.	BGH, Tổ chuyên môn	
	- Tổ chức SHCM 2 tuần/lần, chú trọng nghiên cứu bài học theo Công văn 4069.	BGH, Tổ chuyên môn	
	- Khảo sát đầu năm với tất cả 4 khối lớp 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	BGH, TTCM, GV, HS	
	- Khảo sát, lựa chọn và bồi dưỡng HSG lớp 9.	BGH, GV	

	- Rà soát học sinh chưa đạt, học sinh lớp 6 cần hỗ trợ để xây dựng giải pháp hỗ trợ.	Giáo viên	
	- Triển khai giáo dục STEM, năng lực số, AI trong các môn học phù hợp; phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh.	BGH, GV	
	- Triển khai NCKHKT; cập nhật PCGD-XMC.	BGH, GV	
	- Hoàn thành và cập nhật thông tin vào các loại hồ sơ sổ sách, quản lý chuyên môn.	BGH, Tổ chuyên môn	
	- Lựa chọn 02 GV môn Toán, KHTN tham gia thi cấp TP (Nếu có)	BGH, Tổ chuyên môn	
Tháng 10/2026	- Duy trì nền nếp chuyên môn; SHCM theo nghiên cứu bài học; tổ chức chuyên đề theo kế hoạch.	BGH, Tổ chuyên môn	
	- Tổ chức kiểm tra giữa HKI đúng quy định; phân tích kết quả để điều chỉnh dạy học.	BGH, Tổ chuyên môn	
	- Tiếp tục bồi dưỡng HSG lớp 9, hỗ trợ học sinh chưa đạt.	BGH, GV	
	- Tham gia/chuẩn bị các vòng thi GVG Toán, KHTN theo kế hoạch cấp trên. (Nếu có)	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Triển khai NCKHKT, các cuộc thi/giao lưu phù hợp.	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Kiểm tra tiến độ chương trình, hồ sơ điện tử, cập nhật điểm và dữ liệu ngành.	Tổ CM, GV	
	- Hoàn thiện hồ sơ PCGD-XMC năm 2026.	BGH	
	- Phát động cuộc thi viết thư UPU lần thứ 56	Tổ KHXH TPT	
	Tham gia thi Đấu trường Toán học	BGH, GV	
Tháng 11/2026	- Tổ chức các hoạt động chuyên môn, chuyên đề thiết thực chào mừng 20/11.	Nhà trường	
	- Sơ kết giữa HKI; phân tích chất lượng từng khối, môn.	Tổ CM	
	- Thành lập nguồn HSG lớp 6, 7, 8 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và tổ chức bồi dưỡng.	Tổ CM	
	- Tiếp tục bồi dưỡng HSG 9; hỗ trợ học sinh chưa đạt.	Tổ CM	
	- Tổ chức/hoàn thiện các chuyên đề STEM, AI, năng lực số, đổi mới kiểm tra đánh giá.	BGH, Tổ CM	
	- Xây dựng kế hoạch ôn tập học kì I vào tuần	BGH	

	cuối của tháng.		
	- Tham gia GVG, NCKHKT và các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch cấp trên. (nếu có)	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Kiểm tra việc thực hiện chương trình, SHCM và công tác PCGD.	BGH, GV Tổ chuyên môn	
Tháng 12/2026	- Xây dựng kế hoạch ôn tập và kiểm tra cuối HKI; tổ chức ra đề, duyệt đề, coi, chấm đúng quy định.	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Rà soát tiến độ thực hiện Chương trình GDPT 2018; điều chỉnh kế hoạch HKII nếu cần.	BGH, Tổ CM	
	- Hoàn thành đánh giá học sinh; cập nhật sổ điểm, học bạ số và dữ liệu ngành.	BGH, Tổ	
	- Tiếp tục bồi dưỡng HSG 6,7,8,9 và hỗ trợ học sinh chưa đạt.	Tổ CM	
	- Xây dựng kế hoạch kiểm tra học kỳ I	BGH	
	- Tổ chức kiểm tra học kỳ I theo kế hoạch trường đúng quy chế.	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Hoàn thành cho điểm, đánh giá xếp loại 2 mặt giáo dục theo quy định.	GV, GVCN	
	- SHCM/chuyên đề tập trung tháo gỡ khó khăn trong dạy học; đánh giá việc triển khai STEM, năng lực số, AI trong HKI.	BGH	
	- Triển khai, tham dự cuộc thi Festival Tiếng Anh cấp phường (nếu có)	BGH, Nhóm GV Tiếng Anh	
	- Hoàn thành báo cáo sơ kết học kỳ I và thống kê theo mẫu của SGD	BGH, GV	
Tháng 1/2027	- Vào học bạ kết quả học kỳ I	GV	
	- Hoàn thành sơ kết HKI, phân tích chất lượng giáo dục; triển khai nhiệm vụ HKII.		
	- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục, TKB và các giải pháp nâng cao chất lượng.	Tổ CM	
	- Tham gia thi HSG Thành phố theo kế hoạch.	BGH, GV	
	- Tiếp tục bồi dưỡng HSG 6,7,8; hỗ trợ học sinh chưa đạt.	GV	
	- Tổ chức chuyên đề, SHCM nghiên cứu bài học; tăng cường học liệu số, AI và chia sẻ kinh nghiệm dạy học.		

	- Tổ chức HĐTN-HN, ngoại khóa theo chủ đề phù hợp.	BGH, GV Tổ chuyên môn	
	- Tiếp tục bồi dưỡng học sinh năng khiếu TDTT và tổ chức cho học sinh tham dự thi TDTT cấp phường.	Nhóm GDTC	
	- Hướng dẫn và tổ chức cho học sinh vẽ tranh theo chủ điểm mừng Đảng, mừng xuân.	Nhóm NT BPT	
Tháng 2/2027	- Ổn định nền nếp dạy học trước và sau Tết Nguyên đán; thực hiện đúng tiến độ chương trình.	BGH, BPT	
	- Tiếp tục bồi dưỡng HSG 6,7,8 và hỗ trợ học sinh chưa đạt.	Tổ CM	
	- Tăng cường SHCM, chuyên đề; chú trọng dạy học phân hóa, STEM, AI, năng lực số và kiểm tra đánh giá.	Tổ CM	
	- Rà soát chất lượng học sinh lớp 9, chuẩn bị kế hoạch ôn thi vào lớp 10.	GV	
	- Giáo viên bộ môn Ngữ văn lựa chọn và chấm bài viết thư UPU lần thứ 56, tổ chức và phân loại và gửi theo kế hoạch.	GV Ngữ văn	
	- Thực hiện sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo đúng lịch và nâng cao hiệu quả của sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, đi sâu bàn bạc về phương pháp giải quyết các vấn đề khó, cách trình bày lời giải mẫu mực cho từng dạng bài, kiểu bài.	Tổ CM	
Tháng 3/2027	- Tổ chức kiểm tra giữa HKII; phân tích kết quả, điều chỉnh kế hoạch dạy học.	Tổ CM	
	- Tổ chức phong trào thi đua “Dạy tốt – học tốt” lập thành tích chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh 26/3.	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức tốt “Tháng thanh niên” và kỷ niệm ngày 26/3.	BPT	
	- Tăng cường ôn tập cho học sinh chuẩn bị cho kiểm tra khảo sát chất lượng giữa kỳ II với các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, LS&ĐL, Tin học, GD&CD, KHTN (nếu có)	Tổ CM, GV	
	- Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên	BGH, Tổ CM	

	đề về đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT vào công tác giáo dục và giảng dạy.		
	- Kiểm tra hoạt động giáo dục của GV theo kế hoạch	BGH, CM	
	- Chấm SKKN cấp trường.		
	- Tăng cường ôn tập chuẩn bị cho Kiểm tra giữa học kỳ II các bộ môn	GV	
	- Tăng cường bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi khối 6,7,8 chuẩn bị cho thi giao lưu HSG cấp phường vào tháng 4.	GV	
	- Tăng cường ôn luyện chuẩn bị cho thi khảo sát giữa kỳ II	GV	
	- Xây dựng kế hoạch tổ chức ôn tập cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT năm 2026. Tập trung và tăng thời gian tổ chức ôn luyện cho học sinh lớp 9 đặc biệt là học sinh yếu.	GV lớp 9	
	- Tham dự đầy đủ các chuyên đề bồi dưỡng cho Gv dạy các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, LS&DL, Tin học, GDCD, KHTN (nếu có) ôn tập cho học sinh vào lớp 10 THPT	GV	
Tháng 4/2027	- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn. Tập trung thảo luận về áp dụng phương pháp quản lý lớp học, giáo dục ý thức kỷ luật tích cực học tập. Sự cần thiết phải sử dụng các biện pháp giáo dục ý thức kỷ luật tích cực học tập.	BGH, Tổ CM	
	- Kiểm tra hồ sơ chuyên môn theo kế hoạch.	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức phong trào thi đua “Dạy tốt – học tốt” lập thành tích chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975 – 30/4/2026 và ngày Quốc tế Lao động 1/5.	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức bồi dưỡng học sinh khá, giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt	GV	
	- Hướng dẫn ôn tập học kỳ II, xây dựng kế hoạch kiểm tra học kỳ II.	Tổ CM	
	- Hoàn thiện hồ sơ lớp 9 chuẩn bị cho xét hoàn thành chương trình THCS.	GVCN 9	
	- Kiểm tra việc thực hiện Chương trình, chế độ	GV, tổ CM	

	cho điểm, bảo đảm hoàn thành yêu cầu cần đạt; tăng cường hỗ trợ học sinh có nguy cơ chưa đạt.		
	- Tổ chức ra đề, duyệt đề kiểm tra học kỳ II	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức cho học sinh khối 9 thi thử vào 10 theo kế hoạch của PGD.	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức kiểm tra học kỳ II.	BGH, GV	
	- Tăng cường ôn tập cho đội tuyển học sinh giỏi lớp 6,7,8	GV	
	- Tổng hợp, đánh giá kết quả chuyên đề, STEM, năng lực số, AI và kho học liệu.	BGH	
Tháng 5/2027	- Tổ chức KSCL HS lớp 9 thi vào lớp 10 THPT lần 2	BGH	
	- Tiếp tục kiểm tra HKII các bộ môn. Hoàn thành chương trình HKII, ngày kết thúc HKII 29/5/2026; ngày kết thúc năm học 30/5/2026	GV	
	- Hoàn thành điểm tổng kết năm học theo đúng quy chế.	GV	
	- Tổ chức kiểm điểm, đánh giá xếp loại giáo viên, hoàn thiện hồ sơ rà soát giáo viên theo quy chế.	BGH, Tổ CM	
	- Phối hợp với trường TH Văn Yên tham gia tổ chức coi, chấm bài kiểm tra định kỳ cuối năm đối với học sinh lớp 5 theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT	BGH, GV	
	- Kiểm tra việc cho điểm, tính điểm, đánh giá xếp loại học sinh theo đúng quy định.	BGH, Tổ CM	
	- Hoàn thiện hồ sơ toàn cấp, hồ sơ thi đua, hồ sơ chuyên môn, hồ sơ kiểm tra giáo viên.	BGH, Tổ trưởng CM	
	- Kiểm tra chéo HSCM trong trường và kiểm tra chéo chỉ đạo của PGD	BGH, GV	
	- Xây dựng kế hoạch tham gia công tác làm thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh vào lớp 10 THPT và làm hồ sơ tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2027-2028	BGH	
	- Xây dựng kế hoạch ôn tập, quản lý học sinh trong hè	BGH, Tổ CM	
	- Tổ chức xét hoàn thành chương trình THCS và làm hồ sơ thi vào 10 cho học sinh lớp 9.	BGH, Tổ CM	

Tháng 6/2027	- Triển khai kế hoạch hoạt động hè 2026	BGH, BPT	
	- Tham gia công tác phối hợp tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh vào lớp 10	BGH	
	- Hoàn thiện các báo cáo theo kế hoạch	BGH	
Tháng 7/2027	- Tổ chức hoạt động hè theo kế hoạch - Tham gia các hoạt động bồi dưỡng giáo viên	BGH	